



Mục lục

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

3 NGUYỄN VĂN HÙNG:

Khơi dậy, phát huy các nguồn tài nguyên văn hóa phục vụ phát triển kinh tế-xã hội bền vững

14 HỒ SĨ QUÝ:

Văn hóa Việt Nam sau 35 năm đổi mới

31 NGUYỄN VĂN THẠO

Định hướng phục hồi, phát triển kinh tế khi đất nước chuyển sang trạng thái bình thường mới trong đại dịch Covid-19

40 NGÔ TUẤN NGHĨA:

Đổi mới mô hình tăng trưởng lấy khoa học-công nghệ và đổi mới sáng tạo làm động lực chủ yếu

50 PHẠM THẾ TUẤN:

Đẩy mạnh công nghiệp hóa gắn với đô thị hóa, bảo đảm đời sống của người lao động khu công nghiệp

57 NGUYỄN VĂN HÙNG:

Đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ



NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

KHOI DẬY, PHÁT HUY CÁC NGUỒN TÀI NGUYÊN VĂN HÓA PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI BỀN VỮNG

● NGUYỄN VĂN HÙNG

Ủy viên Trung ương Đảng,
Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Tiềm năng và cơ hội khơi dậy, phát huy các nguồn tài nguyên văn hóa Việt Nam

a. Bề dày lịch sử và sự đa dạng văn hóa

Việt Nam là quốc gia có bề dày lịch sử và sự đa dạng văn hóa. Trong lịch sử phát triển của mình, các triều đại phong kiến Việt Nam đã sớm có ý thức tạo lập và phát huy sức mạnh văn hóa của đất nước. Việt Nam đã luôn đối mặt và chiến thắng những kẻ thù xâm lược có tiềm lực quân sự, kinh tế (sức mạnh cứng) lớn hơn gấp nhiều lần. Năm 2007, khi trả lời phỏng vấn báo

chí Việt Nam, J.Nye đã từng nhận định, Việt Nam có tiềm năng về sức mạnh mềm, khi chúng ta có một câu chuyện hấp dẫn trong lịch sử đấu tranh giành độc lập và một nền văn hóa có sức lôi cuốn các nước phương Tây. Có thể thấy, những vẻ đẹp của văn hóa Việt Nam là nguồn cội quan trọng tạo nên sức mạnh văn hóa Việt Nam. Các nhà nghiên cứu đã đề cập tới nhiều nguồn (tài nguyên) có tiềm năng phát triển văn hóa Việt Nam nhằm phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội trong đó có bề dày lịch sử và sự đa dạng văn hóa.

Văn hóa Việt Nam là nền văn hóa thống nhất trong đa dạng. Tính đa dạng là một đặc điểm lâu đời của nền văn hóa Việt Nam gắn với nông nghiệp trồng lúa nước, tính cộng đồng cao, trải qua quá trình lịch sử lâu dài đối phó với thiên nhiên cũng như kiên cường chống các thế lực ngoại xâm. Mặt khác, Việt Nam nằm trong khu vực ảnh hưởng của nhiều nền văn minh lớn trên thế giới là Ấn Độ, Trung Quốc và phương Tây, người Việt không chỉ biết tiếp thu mà còn biến đổi những tinh hoa văn hóa ngoại lai cho phù hợp với điều kiện của mình. Do vậy, nền văn hóa Việt Nam, là một nền văn hóa đa dạng từ nguồn cội ban đầu. Giao lưu với văn hóa Ấn Độ, văn hóa Trung Hoa diễn ra trong thời gian rất dài thông qua nhiều cách thức đã tạo nên dấu ấn khá đậm nét trong văn hóa Việt Nam. Tuy nhiên, người Việt Nam vẫn giữ được bản sắc văn hóa của riêng mình, đồng thời chủ động tiếp thu văn hóa tinh hoa, văn hóa ngoại lai. Điều này được thể hiện qua nhiều bình diện khác nhau trong đời sống người Việt, từ tôn giáo, tâm linh (Phật giáo, Đạo giáo) đến thế giới quan (triết lý âm dương ngũ hành, lịch âm), chuẩn mực

đạo đức xã hội (ảnh hưởng của Nho giáo) hay kiến trúc, ngôn ngữ, đời sống sinh hoạt hằng ngày (ăn, mặc, ở)... có thể nói, chúng ta có một nền văn hóa đa dạng và phong phú, đồng thời có một nền văn hóa chủ lưu làm cơ sở cho các cộng đồng văn hóa thiểu số, đó là văn hóa Việt. Điều này thúc đẩy sự phát triển yếu tố nội sinh của dân tộc, đồng thời tạo nên sức mạnh đoàn kết giữa các cộng đồng dân tộc anh em trong quá trình bảo vệ Tổ quốc, tạo ra sức hấp dẫn, sự lôi cuốn, khả năng thuyết phục của văn hóa Việt Nam trong phát triển kinh tế - xã hội trong quá khứ cũng như hiện tại.

Tính đa dạng văn hóa thể hiện trong chính hoạt động của nền kinh tế, từ kinh tế truyền thống tới kinh tế nông nghiệp, kinh tế ngư nghiệp, kinh tế ẩm thực, kinh tế du lịch và các ngành kinh tế khác được công nghiệp văn hóa khai thác. Từ đây, nền tảng của sự đa dạng văn hóa xưa của Việt Nam không chỉ cung cấp những điều kiện để phát triển kinh tế, mà còn làm tăng trưởng kinh tế du lịch, công nghiệp văn hóa, tạo nên một hình ảnh Việt Nam mới phát triển mạnh về kinh tế, hấp dẫn về cơ hội đầu tư, thu hút sự

khám phá và sản xuất kinh doanh đối với thế giới. Sự tồn tại đặc thù của các cộng đồng giúp giữ gìn nhiều ngành nghề truyền thống của các cộng đồng. Khi kinh tế của các cộng đồng đó phát triển, năng lực sáng tạo độc đáo của các cộng đồng đó sẽ tạo ra những sản phẩm vật chất và tinh thần có giá trị. Các làng nghề truyền thống được bảo tồn và phát triển không chỉ là sinh kế cho người dân mà còn giúp giữ gìn những mạch nguồn văn hóa kết tinh và phát triển từ truyền thống tạo nên những sản phẩm độc đáo, có giá trị kinh tế và hàm lượng văn hóa cao. Trên cơ sở đó, các ngành du lịch văn hóa sẽ có chất liệu để khai thác cho sự phát triển của ngành du lịch văn hóa, tạo nên sự hấp dẫn với du khách tới từ những nền văn hóa khác. Nông thôn Việt Nam, đặc biệt là các làng nghề không chỉ là những cộng đồng kinh tế mà còn là những cộng đồng văn hóa, xã hội. Ở mỗi làng nghề truyền thống luôn có các hoạt động lễ hội, phường hội, những nét văn hóa mang đậm chất dân gian và chứa đựng bề dày lịch sử riêng biệt. Nhiều làng nghề còn là những làng văn hóa cổ với kiến trúc độc đáo, những câu chuyện khác lạ gắn

với lịch sử. chính vì vậy, sự đa dạng của các làng nghề truyền thống sẽ tạo nên những điểm du lịch hấp dẫn đối với khách du lịch trong và ngoài nước. Những người nước ngoài tới các làng nghề không chỉ đơn thuần tham quan các di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh mà còn để tận mắt ngắm nhìn những sản phẩm độc đáo và cách thức tạo ra chúng từ những bàn tay khéo léo, khối óc sáng tạo của các nghệ nhân. Qua mỗi sản phẩm, hiện tượng, họ tìm hiểu và khám phá ra một nền văn hóa phong phú với nhiều tầng lịch sử. Nhiều học giả và du khách nước ngoài thừa nhận, Việt Nam có rất nhiều làng nghề truyền thống là nguồn tài nguyên du lịch văn hóa vô cùng giá trị, ở đó, con người và tự nhiên luôn gắn kết với nhau. Nếu chúng ta có chiến lược đầu tư, khai thác sự đa dạng, phong phú của các nghề thủ công, các làng nghề truyền thống vào phát triển du lịch văn hóa, thì cùng với các sản vật phong phú, các sản phẩm thủ công độc đáo, các lễ hội, trò chơi dân gian và văn hóa ẩm thực dân gian, du lịch làng nghề sẽ là một sản phẩm du lịch thu hút được sự quan tâm của rất nhiều du khách, đặc biệt là du khách nước ngoài.

Sự tồn tại đa dạng của các cộng đồng văn hóa cung cấp nét độc đáo cho sự gắn kết giữa các cộng đồng dân tộc Việt Nam, cũng như gắn kết giữa dân tộc Việt Nam với bạn bè thế giới. Từ xưa tới nay, đối thoại giữa các nền văn hóa là điều kiện tiên quyết để từng nhóm người, từng dân tộc bộc lộ và phát huy hết những năng lực sáng tạo độc đáo của mình trong quá trình tạo ra các giá trị mới về vật chất cũng như tinh thần. Trong bối cảnh hiện nay, đối thoại giữa các nền văn hóa, văn minh đang là yêu cầu quan trọng bậc nhất để hướng tới sự phát triển bền vững của thế giới. Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế cũng tạo ra nguy cơ đánh mất bản sắc giữa các nền văn hóa trên thế giới, nguy cơ đồng dạng hóa các giá trị văn hóa theo một khuôn mẫu.

Sự đa dạng của các nền văn hóa, các cộng đồng văn hóa ở Việt Nam tạo ra môi trường để tăng cường tinh đoàn kết, sự gắn bó giữa các cộng đồng. Bản thân nền văn hóa Việt Nam cũng là một nền văn hóa đa dạng trong thống nhất. Dù là quốc gia đa tộc người, mỗi tộc người có nền văn hóa, nét văn hóa riêng biệt nhưng do yêu cầu chống thiên tai, bảo vệ cuộc sống và nhu cầu

chống giặc ngoại xâm, và do cả sự giao lưu, hội nhập văn hóa, dân tộc Việt Nam vẫn hình thành nên một mẫu số chung, một hệ giá trị chung khá bền vững. Đó là lòng yêu nước, ý chí tự lập tự cường, tinh thần đoàn kết, lối sống khoan hòa, lối ứng xử linh hoạt, cởi mở, dễ tiếp thu những giá trị mới, tinh thần hòa hiếu... Sự đa dạng trong thống nhất, thống nhất mà vẫn đa dạng của nền văn hóa Việt Nam là một trong những yếu tố quan trọng tạo cơ hội để Việt Nam phát triển văn hóa theo hướng bền vững. Theo UNESCO, một phần không nhỏ các mâu thuẫn, xung đột xảy ra trên thế giới có liên quan tới sự khác biệt về mặt văn hóa. Thu hẹp khoảng cách khác biệt trong văn hóa là việc làm cấp thiết để hướng tới một thế giới an toàn, hòa bình và phát triển. chính vì vậy, việc chấp nhận sự đa dạng về văn hóa sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho sự đối thoại giữa các quốc gia trên thế giới, tạo nền tảng để củng cố sự tôn trọng và hiểu biết và cùng phát triển với nhau. Những quốc gia vốn đã có một nền văn hóa đa dạng trong thống nhất như Việt Nam sẽ có cơ hội thuận lợi hơn khi hội nhập quốc tế, bởi sự ứng xử linh hoạt và sự tôn

trọng khác biệt vốn đã là một phần trong nền văn hóa bản địa sẽ là điểm quan trọng để đưa tới những đối thoại và hợp tác quốc tế thành công. Bạn bè quốc tế khi biết đến một đất nước có nền văn hóa đa dạng nhưng vẫn đoàn kết và phát triển, họ có lý do để tin rằng đất nước ấy sẽ là đối tác tin cậy bởi có sự tôn trọng những khác biệt về văn hóa với các nước khác. Trong bối cảnh mà sự cực đoan, khép kín và thiếu hiểu biết về văn hóa giữa các quốc gia được xem như là một trong những nguyên nhân làm trầm trọng thêm sự mất lòng tin và hiểu lầm giữa các dân tộc, thì một quốc gia có nền văn hóa đa dạng sẽ dễ dàng hội nhập vào một thế giới đa dạng, hòa bình và phát triển bền vững như hiện nay.

Về mặt quốc phòng - an ninh, đa dạng văn hóa tạo nên nguồn sức mạnh mềm hiệu quả để thúc đẩy và bảo đảm an ninh chính trị cũng như bảo vệ lãnh thổ. Các cộng đồng tộc người sống rải rác trên khắp lãnh thổ Việt Nam. Vùng biên giới đa số là các cộng đồng dân tộc thiểu số. Mỗi cộng đồng khi bảo tồn được những giá trị văn hóa của cộng đồng mình sẽ tạo nên sự gắn kết bền chặt, phát triển bền vững. Việc duy trì

mối quan hệ tốt đẹp giữa các cộng đồng dân tộc thiểu số ở cùng khu vực với nhau rất quan trọng, bởi điều đó tạo nên phương thức hiệu quả để bảo đảm an ninh chính trị, toàn vẹn lãnh thổ cho đất nước. Thế giới đang bước vào quá trình phát triển và hội nhập mạnh mẽ. Quá trình hội nhập tạo nên cơ hội cho việc giao lưu, quảng bá của các nền văn hóa trên thế giới. Nó khiến cho mỗi khu vực trên hành tinh đều đang trở nên đa dạng về mặt văn hóa, và cũng tạo ra không ít xung đột do những va chạm và khác biệt giữa các nền văn hóa khác nhau. Các quốc gia đã nhận ra chìa khóa của sự phát triển hòa bình, ổn định của mỗi quốc gia và của thế giới trong bối cảnh hội nhập ngày càng sâu rộng là sự thấu hiểu, tôn trọng, khoan dung với mọi khác biệt và đa dạng của các nền văn hóa khác. Do vậy, việc bảo tồn và phát huy được tính đa dạng văn hóa vốn có của Việt Nam hiện nay sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình hội nhập quốc tế của đất nước ta.

b. Di sản phong phú, tài nguyên thiên nhiên đa dạng, giàu tiềm năng

Với bề dày hàng nghìn năm lịch sử, Việt Nam lưu giữ hệ thống di sản văn hóa và tài nguyên thiên nhiên phong

phú, đa dạng. Đây chính là tiềm năng sẵn có để Việt Nam đa dạng hóa các sản phẩm, loại hình du lịch văn hóa, qua đó phát huy sức hấp dẫn, thu hút về sức mạnh mềm văn hóa, cụ thể là:

- Các di sản thiên nhiên thế giới: vịnh Hạ Long, vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng

- Di sản thiên nhiên và văn hóa (di sản hỗn hợp): Quần thể danh thắng Tràng An, công viên địa chất toàn cầu là cao nguyên đá Đổng văn

- Di sản văn hóa vật thể và phi vật thể được UNESCO ghi danh như: cố đô Huế, Đô thị cổ Hội An, Khu đền tháp Mỹ Sơn, Khu di tích trung tâm Hoàng thành Thăng Long, Thành nhà Hồ, Nhã nhạc - âm nhạc cung đình Việt Nam, Không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên, Quan họ Bắc Ninh, ca trù, Hội Gióng ở đền Phù Đổng và đền Sóc, Hát xoan ở Phú Thọ, Tín ngưỡng thờ Hùng vương, Nghệ thuật đờn ca tài tử Nam Bộ, dân ca ví dặm Nghệ Tĩnh, Nghệ thuật ca bài chòi Trung Bộ Việt Nam, Nghi lễ và trò chơi kéo co, Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt, nghệ thuật Xòe Thái...

- Các di sản được công nhận là di sản tư liệu của thế giới: Mộc bản triều

Nguyễn, Bia đá các khoa thi tiến sĩ triều Lê và Mạc, Mộc bản Kinh Phật thiền phái Trúc Lâm chùa Vĩnh Nghiêm, Châu bản triều Nguyễn, Thơ văn kiến trúc cung đình Huế.

Bên cạnh đó, với bề dày và sự đa dạng về văn hóa của 54 dân tộc, Việt Nam có hàng chục ngàn di sản văn hóa vật thể, hơn 3 triệu di vật, cổ vật có giá trị (đang được bảo quản, trưng bày tại hệ thống 166 bảo tàng)¹ và một hệ thống dày đặc các lễ hội (7.966 lễ hội, trong đó có 7.039 lễ hội quốc gia), phong tục tập quán, nghệ thuật trình diễn, làng nghề thủ công, văn hóa ẩm thực, trang phục... phân bố khá đồng đều trên khắp các vùng miền². Những số liệu nói trên đã minh chứng cho việc tài nguyên văn hóa là một yếu tố cốt lõi của quá trình chuyển hóa nguồn lực mềm văn hóa thành sức mạnh mềm văn hóa thông qua xây dựng, phát triển sản phẩm du lịch và là mấu chốt quan trọng tạo nên sức hấp dẫn của điểm đến du lịch.

c. Nền văn hóa mở và các giá trị văn hóa có sức hấp dẫn, thuyết phục thế giới

- Văn hóa Việt Nam là một nền văn hóa mở

Trải qua bao thăng trầm của lịch sử, văn hóa Việt Nam luôn là nền văn hóa

không khép kín, hẹp hòi, kỳ thị mà luôn cởi mở, khoan dung, sẵn sàng tiếp thu, chọn lọc cái hay, cái đẹp của văn hóa nhân loại để nâng cao và làm giàu cho văn hóa dân tộc (tiếp biến tư tưởng, học thuật, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, chữ viết từ văn hóa Trung Hoa, Ấn Độ, phương Tây... một cách sáng tạo). Chúng ta cũng luôn tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại để nâng tầm, hoàn thiện văn hóa Việt Nam, tiếp nhận những giá trị phổ quát của nhân loại mà không cực đoan, chia rẽ. Đây là những nhân tố tích cực tạo tiền đề để chúng ta dễ dàng hòa nhập vào dòng chảy chung của văn hóa thế giới và được quốc tế công nhận.

- Một số giá trị văn hóa của người Việt Nam có sức thuyết phục thế giới

Là đất nước trải qua nhiều đau thương trong các cuộc chiến tranh liên miên, trong đó có cả những cường quốc số một thế giới. Nhân dân các nước biết đến và nể trọng Việt Nam vì sự nghiệp đấu tranh chính nghĩa giải phóng dân tộc qua những giá trị cốt lõi: yêu nước, anh hùng, quả cảm, quật cường, đồng thời luôn hòa hiếu, yêu chuộng hòa bình, nhân ái, vị tha. Truyền thống nhân nghĩa “Đem đại nghĩa để thắng hung

tàn/Lấy chí nhân để thay cường bạo” của Nguyễn Trãi trước đây và tinh thần hòa hiếu, khoan dung của chúng ta hiện nay đang giúp ngoại giao Việt Nam. Thái độ thân thiện, mến khách của người Việt Nam cũng luôn được bạn bè quốc tế đánh giá cao. Đó là những giá trị tốt đẹp và bền vững, nếu chúng ta biết quảng bá và phát huy đúng cách, sẽ có khả năng lan tỏa và sức thuyết phục, chiếm được thiện cảm, tình yêu mến của cộng đồng thế giới, sự đồng thuận trong quan hệ quốc tế.

- Con người Việt Nam có tài năng sáng tạo và năng lực thích ứng cao

Tài năng sáng tạo của các thế hệ tiền nhân đã được thể hiện rất rõ qua những thành tựu văn hóa vật thể và phi vật thể để lại cho chúng ta. Ngày nay, Việt Nam là đất nước có dân số trẻ, tăng trưởng nhanh, các thế hệ mới có chỉ số thông minh cao, hiếu học, năng động, có năng lực sáng tạo tốt. Ngày càng xuất hiện nhiều tài năng trong các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật. Con người Việt Nam vốn được tôi luyện qua bao biến thiên của lịch sử, nên có khả năng thích ứng cao, giao lưu, tiếp biến văn hóa tốt và đặc biệt rất nhanh nhạy trong kết nối toàn cầu.

Bên cạnh đó, Việt Nam đang có những cải thiện vượt bậc về kết cấu hạ tầng thông tin - truyền thông. Mức độ sử dụng internet, số hóa ở Việt Nam đang gia tăng nhanh chóng. Theo số liệu thống kê của We are Social Singapore, Việt Nam đứng vị trí thứ 16 trong top 20 quốc gia có số lượng người sử dụng Internet nhiều nhất tại châu Á. Tính đến tháng 1-2017, Việt Nam có số người dùng Internet ở mức cao trên thế giới với 50,05 triệu người dùng, chiếm 53% dân số, tăng 6% so với năm 2016. Đây là những tiền đề quan trọng về cơ sở khoa học - công nghệ, tạo điều kiện thuận lợi cho giao lưu và truyền thông văn hóa.

Qua những phân tích bước đầu trên đây có thể thấy, Việt Nam đã, đang sở hữu không ít lợi thế, cơ hội và điều kiện thuận lợi để xây dựng, phát triển văn hóa theo hướng hiện đại, bền vững, hội nhập.

2. Giải pháp phát huy tài nguyên văn hóa gắn với phát triển kinh tế - xã hội bền vững

Nguyên Tổng Thư ký Tổ chức Giáo dục Khoa học và văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO), ông federico Mayor Zaragoza từng nhấn mạnh, trong mọi

xã hội ngày nay, bất luận ở trình độ phát triển kinh tế nào hoặc theo xu hướng chính trị nào, văn hóa và phát triển là hai mặt gắn liền với nhau. Hễ nước nào tự đặt ra cho mình mục tiêu phát triển kinh tế mà tách rời môi trường văn hóa thì nhất định sẽ xảy ra những mất cân đối nghiêm trọng cả về mặt kinh tế lẫn văn hóa và tiềm năng sáng tạo của nước ấy sẽ bị suy yếu rất nhiều. Một sự phát triển chân chính đòi hỏi phải sử dụng một cách tối ưu nhân lực và vật lực của mỗi cộng đồng, vì vậy, phân tích đến cùng, các trọng tâm, các động lực và các mục đích của phát triển phải được tìm trong văn hóa. Từ nay trở đi, văn hóa cần coi mình là một nguồn bổ sung trực tiếp cho phát triển và ngược lại, phát triển cần thừa nhận văn hóa giữ một vị trí trung tâm, một vai trò điều tiết xã hội... Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói “văn hóa soi đường quốc dân đi” như một cách khẳng định vị trí, vai trò của văn hóa trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Thực tế cho thấy, văn hóa hiện diện ở các cấp độ vô cùng đa dạng, các nền văn hóa khác nhau sẽ có những cách thức khác nhau nhằm đạt được mục tiêu khác nhau trong chiến

lược phát triển văn hóa. Nhưng có một mẫu số chung trên bản đồ văn hóa thế giới là những quốc gia chuyển hóa tốt nhất nguồn tài nguyên văn hóa thành sức mạnh mềm văn hóa trong mối liên kết với các trụ cột phát triển luôn là các quốc gia có những tiến đề vững chắc cho sự phát triển và hội nhập quốc tế, đồng thời có khả năng ứng phó hiệu quả trước những thách thức an ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống đặt ra trong quá trình phát triển.

Trong giai đoạn hiện nay, mục tiêu phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc rõ ràng đang gặp phải nhiều thách thức trong tiến trình hiện thực hóa. Nhưng thách thức cũng chính là động lực để chúng ta phải nỗ lực tìm ra sự kết nối logic giữa nguồn tài nguyên văn hóa dồi dào với quyết tâm chính trị đã được khẳng định tại Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII để tìm ra các giải pháp mang tính chiến lược nhằm biến văn hóa trở thành sức mạnh nội sinh, động lực khơi dậy khát vọng cống hiến vì một Việt Nam phồn vinh, bền vững, tự cường, tự chủ và chiến thắng đại dịch Covid-19. với cách tiếp cận thể chế, có thể thấy, trong những năm gần đây, Đảng và Nhà nước

ta đã thể hiện rõ quan điểm phát huy nguồn tài nguyên văn hóa Việt Nam dựa trên việc khai thác các thành tố văn hóa nằm trong các trụ cột tài nguyên văn hóa để quảng bá hình ảnh quốc gia, bản sắc dân tộc, nâng cao năng lực cạnh tranh, hội nhập quốc tế về văn hóa, từ đó góp phần nâng cao sức mạnh tổng hợp quốc gia. Với cách tiếp cận này, Việt Nam đang nỗ lực vận dụng, phát huy nguồn tài nguyên văn hóa phong phú, các thành tố văn hóa giàu sức hấp dẫn, thu hút, thuyết phục để chuyển hóa thành sức mạnh mềm văn hóa. Việc tiến hành hệ thống các quan điểm, chính sách, phân tích quá trình triển khai chính sách liên quan đến phát huy sức mạnh mềm văn hóa của Việt Nam đã chỉ ra điểm mạnh của Việt Nam chính là 8 trụ cột tài nguyên sức mạnh mềm văn hóa chính: (1) Di sản văn hóa phi vật thể (sản phẩm tinh thần có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học... như nghệ thuật truyền thống, lễ hội truyền thống, bí quyết nghề thủ công truyền thống, văn hóa ẩm thực, trang phục truyền thống...); (2) Di sản văn hóa vật thể; (3) Di sản thiên nhiên thế giới; (4) Lễ hội mới và sự kiện văn hóa; (5) Các sản phẩm và dịch vụ thuộc ngành công

ng nghiệp văn hóa; (6) Các giá trị và danh nhân văn hóa; (7) Văn hóa cộng đồng cơ sở; (8) Các cơ sở vật chất và không gian văn hóa.

Trong quá trình triển khai, các chiến lược quốc gia về ngoại giao văn hóa, thông tin, truyền thông, chiến lược các ngành công nghiệp văn hóa đều đưa ra các mục tiêu, giải pháp có khả năng phối hợp đồng bộ các kênh truyền dẫn chính là ngoại giao văn hóa, truyền thông và các ngành công nghiệp văn hóa trong việc chuyển hóa các thành tố sức mạnh mềm văn hóa thành hiệu ứng tạo sức thu hút, lan tỏa, hấp dẫn của văn hóa Việt Nam ra thế giới, lôi cuốn và thuyết phục thế giới đến với Việt Nam. Trên thực tiễn, các kênh này đang tạo nên chuỗi liên kết theo hướng khai thác các thành tố văn hóa nằm trong hệ thống di sản văn hóa vật thể, phi vật thể, các giá trị văn hóa con người có sức hấp dẫn, thu hút và thuyết phục của Việt Nam cùng các sản phẩm và dịch vụ văn hóa, từ đó hướng tới việc thu hút thế giới đến với Việt Nam thông qua du lịch văn hóa và đưa sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam ra thế giới thông qua quảng bá hình ảnh quốc gia, tăng cường giao lưu văn hóa

và hình thành mạng lưới các trung tâm văn hóa, các dự án giới thiệu văn hóa Việt Nam, các danh nhân Việt Nam ra thế giới, đặc biệt là đề án “Tôn vinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, Anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam, Nhà văn hóa kiệt xuất, ở nước ngoài”. Đây là cách Việt Nam học tập kinh nghiệm của nhiều quốc gia trên thế giới khi đưa hình ảnh của lãnh tụ thành biểu tượng thể hiện hoài bão, tâm thế, ý chí của cả một dân tộc ra thế giới. Trong thời gian tới, để khơi dậy, phát huy hiệu quả hơn nữa tài nguyên văn hóa gắn với phát triển kinh tế - xã hội, Việt Nam cần thực hiện các nhóm giải pháp sau nhằm phát huy hiệu quả nguồn tài nguyên văn hóa gắn với phát triển kinh tế - xã hội. Cụ thể:

1) Tiếp tục nâng cao nhận thức, đẩy mạnh tuyên truyền về phát triển văn hóa;

2) Hoàn thiện thể chế, chính sách, khung khổ pháp lý tạo cơ chế chuyển hóa hiệu quả nguồn tài nguyên văn hóa thành sức mạnh mềm văn hóa góp phần gia tăng sức mạnh tổng hợp quốc gia, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế;

3) Xây dựng môi trường văn hóa

lành mạnh tạo động lực phát triển kinh tế, xã hội và hội nhập quốc tế;

4) Hoàn thiện cơ chế thị trường trong lĩnh vực văn hóa, ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp văn hóa, từng bước đưa công nghiệp văn hóa thành ngành kinh tế mũi nhọn, góp phần nâng cao đời sống xã hội;

5) Chủ động hội nhập, tăng cường hợp tác, giao lưu quốc tế, xúc tiến thương mại trong lĩnh vực văn hóa;

6) Phát huy hiệu quả nguồn lực đầu tư phát triển trong lĩnh vực văn hóa bao gồm nguồn ngân sách nhà nước chi cho văn hóa, đẩy mạnh hợp tác công - tư, xây dựng cơ chế ưu đãi, miễn, giảm thuế, phí phù hợp với thực tiễn và có khả năng thu hút đầu tư trong và ngoài nước vào lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, phát triển các ngành công nghiệp văn hóa.

Văn hóa hiện diện ở các cấp độ vô cùng đa dạng, các nền văn hóa khác nhau tương tác theo những cách thức khác nhau, nếu chuyển hóa hiệu quả tài nguyên văn hóa thông qua giải pháp phù hợp sẽ tạo được sự hấp dẫn, thu

hút, lôi cuốn, thuyết phục về văn hóa của một quốc gia đối với quốc gia khác trong quan hệ quốc tế. Đối với một quốc gia có lợi thế vượt trội về nguồn tài nguyên văn hóa sẵn có như Việt Nam, việc sử dụng và phát huy hiệu quả nguồn lực tài nguyên văn hóa thông qua các giải pháp chính sách luôn là một yêu cầu cần thiết trong việc khơi dậy, phát huy nguồn tài nguyên văn hóa gắn với phát triển kinh tế - xã hội. Mặc dù, ở cả thời điểm hiện tại lẫn tương lai, việc khơi dậy, phát huy tài nguyên văn hóa Việt Nam gắn với phát triển kinh tế - xã hội vẫn còn nhiều thách thức, nhưng nếu sớm thực hiện các giải pháp chính sách gắn văn hóa với kinh tế - xã hội theo hướng vận dụng và chuyển hóa tốt nhất nguồn lực văn hóa, Việt Nam sẽ khơi dậy, phát huy hiệu quả sức mạnh nội sinh, sức mạnh mềm văn hóa trong mối liên kết sức mạnh tổng hợp quốc gia, qua đó ứng phó hiệu quả với những thách thức phức tạp, khó dự báo hiện nay và góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của đất nước ■

¹ Theo số liệu của cục di sản văn hóa, 2018

² Theo số liệu của Trung tâm thông tin du lịch, 2015

VĂN HÓA VIỆT NAM SAU 35 NĂM ĐỔI MỚI

● GS, TS HỒ SĨ QUÝ

Ủy viên Hội đồng Lý luận Trung ương

Tóm tắt: Sau 35 năm Đổi mới, nhờ khắc phục được những hạn chế ở các giai đoạn trước: tìm lại được những gì đã mai một để kế thừa truyền thống đầy đủ hơn, điều chỉnh và từ bỏ dần những khuôn thước không phù hợp, giao lưu và tiếp biến có chọn lọc với những giá trị bên ngoài..., trên thực tế, văn hóa Việt Nam đã xác lập được các khuôn mẫu văn hóa mới, thực sự hội nhập tương đối sâu vào văn hóa nhân loại theo các chuẩn mực chung của cộng đồng thế giới, một vài hoạt động không thua kém các nước phát triển hùng mạnh, tình trạng không giống ai bớt dần... Điểm tích cực đáng kể nhất của văn hóa Việt Nam hôm nay được dư luận quốc tế đánh giá cao là văn hóa hội nhập, là khát vọng phát triển, và “Chủ nghĩa dân tộc lành mạnh” (Quách Tương Uy, 2010).



Tuy nhiên đó chỉ là một mặt, mặt tích cực của văn hóa Việt Nam.

Do xã hội Việt Nam hôm nay là một cơ thể đang phát triển năng động với nhiều mâu thuẫn chứa đựng trong nó, nên văn hóa không tránh khỏi cũng là một thực thể đầy mâu thuẫn, với một diện mạo không thiếu những hiện tượng kém giá trị, phi giá trị, thậm chí phản giá trị - cái chân đạn xen với cái giả và không ít khi vẫn bị cái giả lộng hành; cái đẹp, cái thiện vẫn phải nhẫn nại sống chung với cái bất lương, cái xấu, cái ác... Mặt hạn chế đáng kể của văn hóa Việt Nam hiện nay là, ngay trong văn hóa đã nảy sinh những hiện tượng có vấn đề cản trở sự phát triển: đạo đức xuống cấp, con người bị tha hóa, giá trị xã hội lệch lạc, niềm tin suy giảm, giáo dục và y tế còn quá nhiều bất cập...

Những hiện tượng tiêu cực về văn hóa, không chỉ gây bức xúc trên báo chí hay mạng xã hội. Những tiếng nói gay gắt đã xuất hiện ngay tại một số diễn đàn Quốc hội từ vài năm gần đây. Nhiều trí thức, các nhà hoạt động xã hội, thậm chí các đại biểu Quốc hội đã trực tiếp mổ xẻ các vấn đề này với thái độ đầy tâm huyết (Nhandan.vn, 25/05/2018).

1. Văn hóa Việt Nam sau 35 năm Đổi mới: những chuyển biến tích cực

So với trước kia, văn hóa Việt Nam hiện nay, ở tất cả các dạng hoạt động và với tất cả các loại hình của nó, đều có những thay đổi, theo cả hai chiều tích cực và tiêu cực. Ở chiều tích cực, những thay đổi đã đạt tới tầm một sự cải biến có ý nghĩa cách mạng. Nhưng ở chiều tiêu cực, những thay đổi lại rơi vào tình trạng được gọi là xuống cấp, khủng hoảng, tha hóa.

Cột mốc đánh dấu sự thay đổi để văn hóa Việt Nam có những bước phát triển đạt tới chất lượng mới và diện mạo mới so với trước kia, là từ khi Việt Nam tham gia Thập kỷ quốc tế về phát triển văn hóa (1987-1996) do UNESCO đề xướng.

1.1. Vượt ra khỏi khuôn khổ phương pháp luận có phần cứng nhắc về văn hóa giai đoạn trước “Đổi mới”, ngày nay, văn hóa không còn bị xem là sản phẩm thụ động của đời sống kinh tế, của cơ sở hạ tầng, mà đã thực sự trở thành nhân tố bên trong, quy định hành vi của con người, thậm chí quy định cả diện mạo sự phát triển, cả ở hoạt động quản lý, điều hành chính sách vĩ mô

và cả ở phạm vi hoạt động thường ngày của mỗi con người.

Quan điểm coi văn hóa là nền tảng tinh thần của đời sống xã hội, là mục tiêu và là động lực của sự phát triển, chủ trương xây dựng một nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc được ghi trong các văn kiện quan trọng của Đảng và Nhà nước ngay từ cuối những năm 90 (thế kỷ XX). Mặc dù trên bề mặt xã hội đôi khi vẫn bị chê là sáo mòn, không mấy thực chất, nhưng thực tế thì khác: bằng lối đi riêng của văn hóa, quan điểm đó đã xoay chuyển nhận thức, tạo nền cho văn hóa khởi sắc, kích thích sự hồi sinh của phần lớn những giá trị truyền thống trước đó còn bị bỏ quên, thậm chí bị kỳ thị, làm cho văn hóa Việt Nam trở lại với diện mạo bình thường của nó, nối được với quá khứ và rồi nhờ hội nhập mà bắt nhịp ngày càng sâu vào văn hóa thế giới, đóng góp được cho kho tàng văn hóa chung của cộng đồng thế giới.

1.2. Quan điểm Đổi mới về văn hóa đem lại cho con người và các tổ chức xã hội khả năng can thiệp, giải quyết các vấn đề xã hội từ nguyên nhân văn hóa, điều mà trước kia chưa được quan tâm. Chức năng điều tiết của văn hóa

(Regulation, Self Regulation) cũng được thực hiện một cách thâm lặng và đôi khi nằm ngoài sự tính toán.

Bằng cách thức độc đáo của “sức mạnh mềm”, văn hóa đã ngày càng làm sâu sắc hơn ý thức dân tộc - quốc gia, làm rõ thêm lịch sử dân tộc, khẳng định giá trị thiêng liêng của độc lập và chủ quyền quốc gia. Trên cơ sở “Chủ nghĩa dân tộc lành mạnh” (Healthy Nationalism, lời Joseph S.Nye, người đề xướng học thuyết về “sức mạnh mềm”, đánh giá về Việt Nam), văn hóa đã thực sự uốn nắn quan điểm cực đoan của một số chủ thể, làm xích lại gần nhau những quan niệm trước vốn xa nhau.

Không chỉ ở những hiện tượng bề ngoài thuộc hoạt động văn hóa, mà cả ở tầng sâu hơn, trong các nội dung thuộc phẩm chất nhân văn của phát triển, với các chiều cạnh thuộc về con người, về cộng đồng và về dân tộc, văn hóa Việt Nam cũng có những bước phát triển mà trước kia khó có thể đạt được.

1.3. Sau 35 năm, văn hóa truyền thống được tôn trọng và phục hồi rất căn bản (văn hóa truyền thống ở Việt Nam có bề dày lịch sử hàng nghìn năm, nhiều hơn lịch sử lập quốc của nhiều quốc gia, nghĩa là có độ bền

vững và ảnh hưởng lớn hơn hình dung của không ít người). Quan điểm mới về văn hóa đã kích thích sự hồi sinh của phần lớn những giá trị truyền thống trước kia bị bỏ quên, thậm chí bị kỳ thị, làm cho văn hóa Việt Nam trở lại với diện mạo bình thường của nó, nổi được với quá khứ.

Các giá trị và bản sắc văn hóa, gồm cả bản sắc văn hóa các địa phương, các tộc người, chẳng hạn văn hóa Chăm-pa, văn hóa Phù Nam... được nghiên cứu ngày càng sâu và khơi dậy được ý nghĩa nhân văn khách quan của sự tồn tại của cộng đồng các dân tộc Việt Nam trong Quốc gia độc lập, thống nhất. Các thành tựu văn minh của nhân loại từng có mặt tại Việt Nam, chẳng hạn văn minh Pháp tại Việt Nam, thành tựu của các Vương Triều Nguyễn... đã được đánh giá ngày càng hợp lý, và là nhân tố được kế thừa của văn hóa người Việt. Nhận thức của xã hội, đặc biệt của các cơ quan có trách nhiệm về tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, được nhận thức và được triển khai ngày càng thực tế và có hiệu quả.

Truyền thống hiếu học, cần kiệm, trung thực, nhân nghĩa, tôn trọng kỷ

cương phép nước... được chú ý phát huy và được đồng đảo người dân ở mọi tầng lớp tôn trọng và chủ động thực hiện.

Giáo dục gia đình cơ bản là tốt, gia đình vẫn đóng vai trò là tế bào lành mạnh nhất của xã hội. Trong hệ thống các thiết chế xã hội, gia đình vẫn là thiết chế chứa đựng nhiều phẩm chất tốt đẹp nhất, đủ mạnh mẽ để đảm bảo cho xã hội phát triển trong ổn định và an toàn.

Khát vọng phát triển, ý chí làm người có ích cho xã hội, tâm huyết xây dựng đất nước giàu mạnh... được thể hiện mạnh mẽ ở nhiều tầng lớp cư dân, từ những người có trách nhiệm cấp cao đến người dân lao động bình thường.

1.4. Các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể được xác định và đánh giá theo chuẩn quốc tế, nhiều di sản văn hóa vật thể, phi vật thể, di sản thiên nhiên và di sản ký ức thế giới được cộng đồng quốc tế ghi nhận (UNESCO 2021: Vietnam). Đời sống văn hóa, hàng ngày hàng giờ đang xác lập các khuôn mẫu văn hóa mới.

Ở khá nhiều loại hình thuộc hoạt động văn hóa, hệ giá trị văn hóa Việt Nam đã không còn lạc lõng, thu hẹp khoảng cách lạc hậu so với bên ngoài;

giao lưu và tiếp biến văn hóa đặc biệt mở rộng; hầu hết các hoạt động văn hóa được hiện đại hóa; văn hóa công quyền, văn hoá thị trường, văn hóa ứng xử, văn hóa hội nhập... gần gũi hơn với khu vực và thế giới. Nhiều hoạt động văn hóa như văn hóa Show-biz - tổ chức sự kiện, văn hóa thời trang, văn hóa hội thảo, văn hóa du lịch - khách sạn, văn hóa ẩm thực, văn hóa sử dụng IT - mạng xã hội,... Việt Nam đã không còn thua kém bao nhiêu so với các nền văn hóa có kinh nghiệm. Thậm chí với một số hoạt động văn hóa cụ thể, Việt Nam còn tỏ ra là có đẳng cấp và đã tạo ra được ấn tượng tích cực trên trường quốc tế, không thua kém bao nhiêu so với các hiện tượng tương đương ở các nền kinh tế phát triển. Hội nghị cấp cao APEC Đà Nẵng 2017, Hội nghị thượng đỉnh Mỹ Triều 2019, lực lượng quân đội tham gia gìn giữ hòa bình của LHQ... là những hiện tượng văn hóa như vậy.

1.5. Về văn hóa chính trường, văn hóa công quyền, văn hóa đối ngoại (ngoại giao), văn hóa công an, văn hóa quân sự, văn hóa học đường... hệ giá trị văn hóa Việt Nam cũng đã có không ít điểm sáng, với những chuẩn mực gần

với thế giới, dù những lĩnh vực này hiện vẫn bị chê trách nhiều cả từ phía bên trong và bên ngoài.

Khoa học, giáo dục mặc dù còn rất nhiều hạn chế, bất cập, nhưng đã có những bước phát triển tương đối rõ theo hướng hội nhập. Người Việt Nam vẫn được đánh giá là năng động, thông minh. Học sinh Việt Nam, trong các cuộc thi quốc tế về một số ngành khoa học cơ bản và công nghệ thông tin, vẫn liên tục đạt được thứ hạng rất cao. Ngoài ra, Việt Nam còn là một trong không nhiều quốc gia có số lượng khoảng hai phần ba dân số sử dụng Internet, mạng xã hội, điện thoại thông minh... một nền tảng công nghệ rất mạnh cho phát triển văn hóa.

1.6. Như vậy, về phương diện văn hóa, bằng sự rũ bỏ nhiều quan niệm công thức và cứng nhắc, đánh thức các giá trị và bản sắc truyền thống, tiếp thu những nhân tố hợp lý từ bên ngoài, sau hơn 35 năm Đổi mới và Hội nhập, Việt Nam đã thoát ra khỏi nhiều hạn chế của cách tiếp cận cũ và nhanh chóng hòa vào dòng chảy chung của văn hóa - văn minh nhân loại. Nhiều giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể Việt Nam đã được công nhận là di sản thế giới, di

sản ký ức thế giới. Người Việt đã có tên trong Danh nhân văn hóa thế giới. Các tiêu chuẩn của hoạt động văn hóa thế giới đã được áp dụng phổ biến tại Việt Nam. Tình trạng “không giống ai” bớt dần. Các loại hình của văn hóa Việt Nam ngày càng được cộng đồng thế giới biết đến và đánh giá tích cực.

Và, đời sống văn hóa của đại đa số cư dân đều có những chuyển biến theo chiều tốt lên, kể cả những người ở vùng sâu vùng xa. Từ một quốc gia nghèo đói, chậm phát triển, thu nhập và đời sống văn hóa của nhiều tầng lớp dân được cải thiện cả về trình độ và chất lượng. Việt Nam đã trở thành nước có GDP trung bình, với quy mô nền kinh tế có thứ hạng trên thế giới và có dự trữ ngoại hối năm 2020 cao nhất từ trước tới nay. Việt Nam là một trong những nước có tiến bộ rõ rệt và liên tục về chỉ số phát triển con người (HDI). Xu hướng chỉ số phát triển con người cao hơn chỉ số kinh tế vẫn được giữ vững suốt 25 năm qua và vẫn đang tiếp tục. Năm 2020, lần đầu tiên Việt Nam được xếp hạng trong số 52 nước có Chỉ số phát triển con người cao (High Human Development Index: 0,700-0,800 – HDR 2020). Tuổi thọ bình quân khá

cao không thua kém các nước có chỉ số HDI cao và vẫn tiếp tục tăng. Trong ba thập niên qua, khoảng 50 triệu người đã được xóa đói giảm nghèo. Việt Nam về đích sớm hơn cam kết với Liên Hợp Quốc về thực hiện mục tiêu Thiên Niên Kỷ (MDG) 10 năm, được cộng đồng quốc tế rất hoan nghênh (ADB, 2021).

Dĩ nhiên, người nghèo ở vùng sâu vùng xa, người nghèo di tản vì mất việc làm trong 4 đợt dịch bệnh Covid vừa qua... cũng là những chỉ báo phản ánh mức độ bất cập của văn hóa quản lý và đời sống văn hóa nói chung. Nhưng thực tế buộc phải chấp nhận này cũng mới chỉ làm cho bức tranh tổng thể về thực trạng văn hoá hiện ra sáng tối rõ hơn, chứ chưa làm thay đổi được xu hướng chung của đời sống văn hoá.

Thực chất là văn hóa đã thấm vào phương thức phát triển đất nước - từ chỗ cứng nhắc, sách vở, chủ quan, giáo điều... sang phương thức mới, mềm dẻo hơn, thực tế hơn, năng động hơn - giải phóng được các nguồn lực nội sinh, sử dụng được ngoại lực, tiếp thu được sức mạnh và tinh hoa văn hóa, văn minh bên ngoài, gắn gũi hơn với xu hướng và chuẩn mực của cộng đồng thế giới.

Đánh giá về văn hoá Việt Nam sau 35 năm Đổi mới, Văn kiện Đại hội XIII của Đảng khẳng định: “Nhận thức về văn hoá, xã hội, con người ngày càng toàn diện, sâu sắc hơn. Các lĩnh vực, loại hình, sản phẩm văn hoá phát triển ngày càng đa dạng, đáp ứng nhu cầu mới, nhiều mặt của đời sống xã hội. Nhiều giá trị văn hoá truyền thống và di sản văn hoá được kế thừa, bảo tồn và phát huy. Văn hoá trong chính trị và trong kinh tế bước đầu được coi trọng và phát huy hiệu quả tích cực. Hoạt động giao lưu, hợp tác và hội nhập quốc tế về văn hoá khởi sắc. Phát triển toàn diện con người Việt Nam đang từng bước trở thành trung tâm của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Việc phê phán, đấu tranh, đẩy lùi cái xấu, cái ác, cái lạc hậu, chống các quan điểm, hành vi sai trái gây hại đến văn hoá, lối sống con người được chú trọng” (ĐCSVN, 2021: 64).

2. Văn hóa Việt Nam sau 35 năm Đổi mới: những hạn chế, bất cập cản trở sự phát triển

Việt Nam hôm nay là một xã hội đang chứa đựng trong nó không ít mâu thuẫn. Đất nước hội nhập sâu và phát triển tương đối nhanh, kể cả trong

khủng hoảng tài chính trước đây và trong đại dịch Covid -19 hiện nay. Nền kinh tế - xã hội có nhiều điểm sáng được nhiều tổ chức quốc tế và cộng đồng thế giới đánh giá cao. Với những tiến bộ khó phủ nhận, uy tín quốc tế của Việt Nam trên thực tế ngày càng rộng mở. Nhưng nhìn từ một phía khác, bức tranh giá trị của xã hội Việt Nam lại có nhiều mảng tối rất đáng quan ngại với một diện mạo không thiếu những hiện tượng kém giá trị, phi giá trị, thậm chí phản giá trị.

Chỉ số phát triển con người cao, nhưng con người vẫn tha hóa, đạo đức vẫn xuống cấp. Kinh tế tăng trưởng, tầng lớp trung lưu tăng, nhưng phân hoá giàu nghèo lại gay gắt thêm, tỷ lệ nghèo ở vùng sâu vùng xa vẫn cao, nguy cơ tái nghèo rình rập. Chỉ số giáo dục và chỉ số y tế được cải thiện, nhưng chất lượng giáo dục vẫn yếu kém, quan hệ giữa người với người trong y tế vẫn quá nhiều vấn đề, người bệnh đôi khi là đối tượng bóc lột hơn là đối tượng phục vụ. Truyền thống được phục hồi, tinh hoa văn hoá thế giới được tiếp thu, nhưng giá trị lệch lạc, giả dối gần như được coi là bình thường. Chỉ số hạnh phúc tốt lên, nhưng số người hài lòng

với cuộc sống của mình không tăng. Văn hoá du lịch, lễ hội, showbiz... phát triển, nhưng các hành vi ít văn hoá, phi văn hoá vẫn khá phổ biến. Đất nước phát triển năng động, nhưng thể chế, cơ chế vẫn tiềm tàng khả năng làm hỏng con người, làm suy giảm văn hoá. Niềm tin vẫn suy giảm nghiêm trọng...

Đánh giá về những hạn chế của văn hoá hiện nay, Văn kiện Đại hội XIII của Đảng chỉ rõ: “Văn hoá chưa được quan tâm tương xứng với kinh tế và chính trị, chưa thật sự trở thành nguồn lực, động lực nội sinh của sự phát triển bền vững đất nước. Vai trò của văn hoá trong xây dựng con người chưa được xác định đúng tầm, còn có chiều hướng coi trọng chức năng giải trí đơn thuần. Thiếu những tác phẩm văn hoá, văn học, nghệ thuật lớn phản ánh sinh động tâm vóc công cuộc đổi mới, có tác dụng tích cực đối với con người. Môi trường văn hoá, xã hội tiếp tục bị ô nhiễm bởi các tệ nạn xã hội, tham nhũng, tiêu cực. Chênh lệch về hưởng thụ văn hoá giữa các vùng, miền còn lớn, đời sống văn hoá ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý văn hoá còn nhiều bất cập,

lúng túng, chậm trễ trong việc thể chế hoá quan điểm, chủ trương của Đảng về văn hoá. Đầu tư cho văn hoá chưa đúng mức, còn dàn trải, hiệu quả chưa cao. Chưa có giải pháp hữu hiệu để ngăn chặn, đẩy lùi sự xuống cấp nghiêm trọng về một số mặt văn hoá, đạo đức, lối sống, gây bức xúc xã hội. Hệ thống thông tin đại chúng còn nhiều hạn chế; một số cơ quan báo chí có biểu hiện xa rời tôn chỉ và thương mại hoá; quản lý mạng xã hội còn bất cập. Chất lượng và số lượng đội ngũ cán bộ văn hoá chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển văn hoá trong thời kỳ mới. Việc giới thiệu, quảng bá văn hoá Việt Nam ra nước ngoài chưa mạnh; tiếp nhận tinh hoa văn hoá nhân loại có mặt còn nhiều hạn chế” (ĐCSVN, 2021: 84-85).

2.1. Tội phạm xã hội là dấu hiệu điển hình của tình trạng con người tha hoá, đạo đức xuống cấp. Trước năm 2020, gần như hằng ngày, tội phạm liên tục xảy ra và điều đáng nói là mức độ tội phạm hình sự ngày càng nhức nhối hơn. Trong 4 đợt dịch Covid-19, tội phạm hình sự có giảm bớt, nhưng một vài tội phạm loại khác lại gây sốc đối với xã hội. Tình trạng này thể hiện rõ

trong các báo cáo của Bộ Công an, của Ban Chỉ đạo phòng chống tham nhũng, của Ủy ban tư pháp Quốc hội, hay trong các bản tin báo chí về an ninh trật tự xã hội... Không tách rời hiện tượng gia tăng về tội phạm hình sự là nạn nghiện hút và buôn bán ma túy. Mặc dù luật pháp Việt Nam thuộc loại nghiêm khắc nhất đối với dạng tội phạm này, nhưng tệ nạn vẫn tăng. Từ năm 2019, Quốc hội đã phải lên tiếng về nguy cơ Việt Nam trở thành điểm trung chuyển ma túy quốc tế. Tội phạm ma túy trực tiếp hủy hoại những cố gắng của xã hội trong xây dựng con người. Tính nghiêm trọng của vấn đề là ở chỗ, theo Bộ trưởng Bộ Công an tại phiên trả lời chất vấn Quốc Hội ngày 4/6/2019, khi tội phạm ma túy gia tăng, các loại tội phạm khác cũng tăng theo; cứ mỗi bánh ma túy vào Việt Nam, 10 gia đình có người đi tù. (baochinhphu.vn, 04/06/2019).

Chỉ báo thể hiện rõ nhất mức độ tha hóa con người và xuống cấp đạo đức, là những trường hợp cán bộ cấp cao của Đảng và Nhà nước vi phạm pháp luật. Từ vài năm gần đây, khi các vụ đại án được khởi tố, phần lớn người dân không khỏi ngạc nhiên khi biết rằng,

trong số những tội phạm trọng án lại có cả những người đã từng là tướng công an, tướng quân đội, và cán bộ cấp rất cao của Đảng, Nhà nước như ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Bộ Chính trị... Tình huống mới nhất là kết luận của Ban Bí thư 1/10/2021 xem xét, thi hành kỷ luật 9 cá nhân và Ban Thường vụ Đảng ủy Cảnh sát biển Việt Nam nhiệm kỳ 2015 - 2020 và Ủy ban kiểm tra TW 2-4/11/2021 đề nghị kỷ luật một số lãnh đạo Bộ Y tế và Ban cán sự đảng Bộ Y tế nhiệm kỳ 2016 - 2021. Trước đây khó ai dám nghĩ rằng, những người có vị thế và trách nhiệm xã hội đến như thế lại chính là những kẻ tội phạm thao túng trật tự xã hội và sẵn sàng gây hại cho đất nước... (Baochinhphu.vn, 1/10/2021 & 19/11/2021).

2.2. Giáo dục và y tế trước đây được hình dung là những khu vực không thể có con người hư hỏng thì lâu nay tình hình đã đến mức được gọi là “khủng hoảng”. Trong hoạt động giáo dục, nhiều vấn nạn rất khó tháo gỡ xuất hiện cả trong quản lý, điều hành và cả trong hoạt động học đường. Từ chương trình sách giáo khoa, chế độ tự chủ của các cơ sở giáo dục, những bê

bối ở một số trường đại học... đến gian lận thi cử, mua bán bằng cấp, bạo lực học đường, sự xuống cấp đạo đức nhà giáo, tệ nạn ấu dâm, quấy rối tình dục trong trường học... đã liên tục xảy ra. Bộ giáo dục chưa kịp giải quyết vụ này thì đã thấy vụ khác xuất hiện. Nhiều năm nay giáo dục luôn là điểm nóng của chương trình nghị sự Quốc hội. Tình trạng mua bán bằng cấp, gian lận trong công bố quốc tế, thiếu trách nhiệm trong biên soạn sách giáo khoa lớp 1... là những hiện tượng bức xúc của giáo dục năm 2020. Năm 2021 vấn đề đặt ra đối với giáo dục là “Học thật thi thật nhân tài thật” và chất lượng học Online. Khủng hoảng giáo dục dường như vẫn chưa có lối thoát (Mpm.chinhphu.vn, 06/05/2021).

Với y tế, mặc dù vài năm gần đây hoạt động này được đánh giá là có nhiều tiến bộ cả về trình độ nghiệp vụ và cả về tổ chức theo các chính sách mới. Tuy nhiên, vấn đề của y tế Việt Nam vẫn là chưa khắc phục được sự xuống cấp ở chính quan hệ giữa thầy thuốc với con bệnh. Chính sách về y tế có nhiều vấn đề rất khó tháo gỡ. Người bệnh vẫn là đối tượng “để quản lý” hơn là đối tượng “cần phục vụ”. Thái độ vụ

lợi trong hoạt động y tế vẫn tìm thấy nhiều kẽ hở của chính sách - giữa đại dịch Covid 19, một số cán bộ y tế vẫn không ngần ngại tìm cách kiếm lợi bất chính. Tính nhân văn “bẩm sinh” của y tế vẫn bị vi phạm (Baocinhphu.vn 21/12/2021).

2.3. Trong bảng giá trị cộng đồng, hiện tượng lệch lạc về giá trị đã được cảnh báo từ nhiều năm trước. Nhưng những năm gần đây, hiện tượng này ngày một nhức nhối hơn. Hiện nay, vị trí của danh và thực, của lao động và sự giàu có, của địa vị và tài năng, của tiền bạc và tình người, của thói phô trương và đức khiêm tốn, của sự vô cảm và lòng vị tha, v.v... đã lệch lạc đến mức đáng ngại.

Trong tâm thức cộng đồng, vị trí của một số giá trị đã (vô tình) bị xếp sai, cả trong đời sống thường nhật và cả trên các phương tiện thông tin đại chúng. Nhiều danh hiệu được tôn vinh rất xa thực tế; không ít danh hão vẫn được “háo danh”. Giàu có được sùng bái, nhưng lao động, kể cả lao động làm nên sự giàu có cũng bị xem nhẹ, rất ít được đánh giá đúng mức. Địa vị được tôn trọng, kể cả địa vị không xứng đáng, nhưng tài năng gắn liền với địa

vị thì không mấy ai thật sự tôn vinh, thậm chí tài năng còn bị kỳ thị. Được coi là dân tộc trọng tình nghĩa, nhưng thói vô cảm lại rất phổ biến; lòng vị tha, đức khoan dung ngày càng trở thành của hiếm, nhất là ở cơ quan công quyền. Đã có quá nhiều trường hợp logic của tiền bạc phá vỡ giá trị của tình người; vì tiền bạc mà người thân sẵn sàng hãm hại lẫn nhau; tình người chủ yếu chỉ còn được thấy trong những khi hoạn nạn. Đức khiêm tốn rất ít khi thấy được tôn vinh, mà thường thấy rất dễ bị bị chèn ép; còn thói phô trương thì có ở khắp nơi, hàng ngày.

Nói cách khác, trong bảng giá trị hiện thời, thói háo danh vẫn được nuôi dưỡng, vì danh vẫn thường xuyên được cơ chế và được xã hội vô tình coi là quan trọng hơn thực. Lòng tham phi đạo đức vẫn tiếp tục tồn tại, vì vẫn không ít trường hợp lao động và giàu có chẳng phải là nhân quả của nhau - chủ nghĩa tư bản thân hữu ở Việt Nam không hề là chuyện bịa đặt, không ít doanh nghiệp quan tâm đến “đi đêm” nhiều hơn là quan tâm đến kinh doanh, sản xuất. Thói háo chức tước quan lộc và địa vị vẫn có đất sống vì vẫn có nhiều người tài năng chẳng hề

xúng với địa vị - ở Việt Nam địa vị gần như bao giờ cũng được trọng vọng, trong khi đó, việc khuyến khích và sử dụng tài năng thì lại thường xuyên phải đối mặt với muôn vàn khó khăn. Phát biểu của người có trách nhiệm mà như “trên trời rơi xuống” năm nào cũng gặp. Sức mạnh của tiền bạc gần như chỗ nào cũng thấy cao hơn tình người - nhiều giá trị vẫn không có “cơ chế” để thực hiện, nếu không được đảm bảo bằng tiền bạc. Thói phô trương vẫn thường lấn át đức khiêm tốn và đôi khi còn được tiếp tay bởi phương tiện thông tin đại chúng. Tri thức vẫn bị xem nhẹ hơn bằng cấp, học trò đi thi ở một số nơi bị chính ngành giáo dục đối xử chẳng khác gì kẻ cắp trước lúc hành nghề. Sự vô cảm vẫn rất phổ biến cả trên đường phố và cả ở nơi công sở. Và, cái giả, sự giả dối vẫn hàng ngày có mặt khắp nơi, vẫn bị làm ngơ, vẫn được coi là bình thường, khi chưa bị truy tố trước pháp luật...

Vấn đề là ở chỗ, thói vụ lợi và thực dụng qua sự kích thích của mặt trái kinh tế thị trường đã làm cho không ít người lầm tưởng rằng “tiền bạc” và “quan lộc” là giá trị đỉnh cao của đời sống; danh vọng, công lý và uy tín là có

thể mua được. Giả dối đã phổ biến trong nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, thậm chí giả dối trong không ít trường hợp đã công nhiên lấn át sự tử tế và chân thật. Một khi bảng giá trị cộng đồng bị lệch lạc thì dĩ nhiên, một số giá trị sẽ bị truất khỏi vị trí thực của nó trong hệ thống giá trị; những giá trị ảo, phi giá trị, vô giá trị, thậm chí phản giá trị sẽ thế chỗ hoặc lên ngôi. “Lao động”, “Trung thực” và “Chân thiện” nếu vô tình bị “Tiền bạc” và “Quan lộc” trám chỗ, định hướng giá trị sẽ khó tránh khỏi kém tác dụng, “nhằm đường” hoặc mất phương hướng.

2.4. Khó mà phủ nhận được, lâu nay, đâu đâu trong đời sống xã hội người ta cũng bắt gặp cái giả dối. Giả dối đã phổ biến đến mức đã được coi là bình thường, làm nản lòng sự trung thực, tử tế. Bằng giả, danh hiệu giả, kiến thức giả, công bố (khoa học) quốc tế giả, chất lượng sản phẩm giả, thuốc chữa bệnh giả, tuổi tác giả, số liệu thống kê giả, thanh toán với chúng từ giả, biểu quyết giả, đạo đức giả,... gần như có mặt khắp nơi và không còn là điều xấu hổ nữa. Rất tiếc là xã hội lại thừa nhận bằng cách làm ngơ coi như không thấy.

Ở không ít công trình, dự án... mục đích ghi trong văn bản thực tế chỉ là giả, vì đó chẳng qua chỉ là phương tiện, là công cụ cho bòn rút, tham nhũng. Làm bất cứ việc gì cũng nghĩ đến lách luật. Sẽ không còn động cơ hành động nếu công việc được tiến hành một cách ngay thẳng, không có lợi ích gì có thể xà xẻo được. Mọi đề án quốc kế dân sinh đều có nguy cơ đổ vỡ nếu ở đó tham nhũng hay mục đích vụ lợi không thực hiện được... Từ năm 2016 đến nay, tình trạng này có phần giảm bớt do sự quyết liệt của công cuộc chống tham nhũng, kể cả trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 hiện nay. Người dân có căn cứ để tin rằng, xử lý tham nhũng sẽ không còn vùng cấm như trước, kẻ phạm pháp trước sau cũng phải trả giá. Mặc dù vậy, tham nhũng tài sản công đến nay vẫn khó phủ nhận không phải là “động cơ ngầm” của không ít cán bộ có chức quyền. Thật khó hình dung, cái gì sẽ là động cơ thực sự của những người làm các dự án kinh tế - xã hội, nếu không có tham nhũng.

Con người tha hóa chỉ là một nguyên nhân của tình trạng này. Cơ chế, thể chế không có chỗ cho con người cố

hiến và lao động bình thường mới là nguyên nhân căn bản hơn.

Vấn đề tất nhiên là do suy thoái phẩm chất làm người. Tuy vậy, nhìn xa hơn, vấn đề còn là ở chỗ, thể chế kinh tế, cơ chế xã hội từ quá lâu đã sinh ra tình trạng với hầu hết các công việc, lao động đều không được trả thù lao tương xứng, đặc biệt ở khu vực nhà nước. Gần như ở khắp nơi, trong mọi dạng lao động, nếu làm thật, trách nhiệm thật, hưởng thù lao thật... thì chắc chắn là thiệt thòi hoặc không được thụ hưởng xứng đáng với công sức bỏ ra. Cơ chế này thuộc về thể chế bóc lột (Extractive Institutions). Xã hội mấy chục năm nay đã tự tìm đường đi cho mình bằng cách tối tệ nhất - giả dối. Đến lượt mình, thói giả dối lại tìm sự bênh vực ở những thể chế có khiếm khuyết, những kẽ hở của luật pháp, những quy định cứng nhắc hoặc vụ lợi trong các chính sách... bênh vực cho những cái sai, cái dở trong xã hội.

2.5. Một hiện tượng xã hội khác có thể là hệ lụy của tất cả những vấn đề nói trên, là niềm tin - niềm tin của người dân vào Đảng, vào chế độ, vào tương lai của đất nước - đã suy giảm dẫn đến mai một dần. Từ lâu, hiện

tượng này đã được báo chí và dư luận xã hội lên tiếng báo động. Nguy cơ trực tiếp đe dọa sự tồn vong của Đảng và chế độ đã được chính Tổng Bí thư và Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII của Đảng cảnh báo (Baochinhphu.vn, 31/10/2016). Các nhà khoa học thường tìm nguyên nhân của khủng hoảng niềm tin trước hết ở sự vận hành của thể chế, ở bộ máy công quyền, ở đội ngũ quan chức, ở hệ thống luật pháp. Điều đó dĩ nhiên là hợp lý. Nhưng nhìn từ phía văn hoá, nguyên nhân cơ bản làm cho niềm tin trong đời sống tinh thần xã hội Việt Nam mai một rồi mất dần, theo chúng tôi còn là, đã quá lâu rồi ở Việt Nam, lẽ phải ít được tôn trọng, thậm chí bị chà đạp.

Chủ yếu là vô tình, nhưng sự thật là thể chế đã tiếp tay, luật pháp đã tạo kẽ hở, bộ máy công quyền thường quan liêu, chính sách lại không sâu sát, đội ngũ cán bộ thì không ít người tham lam, vụ lợi... trong việc cư xử với lẽ phải - nên lẽ phải đã bị coi thường, đôi khi bị chà đạp... làm cho niềm tin rơi vào tình trạng như hiện nay. Trong một số trường hợp, lẽ phải bị đối xử như là thứ vô nghĩa. Mới rất gần đây, có những vụ việc rất bức xúc nhưng người có trách

nhệm vẫn ráo hoảnh trả lời công luận rằng “đúng quy trình” - Lẽ phải trong những trường hợp như vậy hoàn toàn bị xem thường. Niềm tin dù ở dạng nào thì cũng khó có cơ sở để tiếp tục tồn tại.

Về phương diện giá trị, cần thiết phải nói rằng việc định hướng giá trị trong thực tế luôn có hai xu hướng không mấy khi trùng nhau. Trong khi những giá trị lý tưởng, những giá trị kỳ vọng được nồng nhiệt đề cao, được tôn vinh có chủ ý nhằm định hướng tư tưởng và hành vi con người, thường không đạt được kết quả bao nhiêu, thì ngược lại, các giá trị ngầm định của bản thân đời sống xã hội lại âm thầm thể hiện sức mạnh của nó. Dòng chảy bản năng mãnh liệt của đời sống xã hội, nếu không được các thiết chế pháp lý đủ mạnh và nghiêm minh tạo hành lang đủ thông thoáng để vận động, thì sẽ luôn lách qua mọi kẽ hở để thỏa mãn nhu cầu chính đáng và không chính đáng của con người. Cái xấu, cái ác, cái bất hợp lý... trong những trường hợp như vậy đôi khi không kiểm soát được. Thực trạng hệ giá trị văn hóa Việt Nam hiện nay ít nhiều rơi vào tình trạng như vậy.

Rất mừng là với những kết quả rõ rệt thể hiện thái độ kiên quyết hiếm thấy sau những năm thực thi công cuộc chống tham nhũng, chống xuống cấp đạo đức xã hội..., bầu không khí xã hội đã chuyển biến tích cực làm cho niềm tin của dân đã được khôi phục một phần. Thành công của công cuộc chống tham nhũng cùng với những thành tựu kinh tế - xã hội khác, cho phép hy vọng, với một cơ thể đang phát triển tương đối mạnh như Việt Nam, những vấn đề bức xúc, gay gắt và nan giải về phương diện văn hoá như đã trình bày ở trên, dù có nghiêm trọng, cũng không cản trở được sự phát triển bình thường của xã hội. Thậm chí, nếu nhìn từ một góc độ khác, việc xử lý những ung nhọt còn là cơ hội để xã hội Việt Nam giải quyết triệt để các mâu thuẫn trong lòng nó, để rồi đạt tới những giá trị cao hơn, tốt đẹp hơn.

3. Thay lời kết

Nói đến văn hoá, thực chất là nói đến con người. Văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, nghĩa là trong tầm nhìn dài hạn hoặc theo lát cắt lịch đại, thì văn hoá làm ra con người, con người là sản phẩm của văn hoá. Nhưng

khi được coi là mục tiêu, là động lực của sự phát triển, thì văn hoá lại được xem xét trong tầm nhìn ngắn hạn hoặc theo lát cắt đồng đại, nghĩa là văn hoá là sản phẩm sáng tạo của con người, con người là chủ thể sáng tạo ra văn hoá. Muốn sửa chữa, khắc phục những hạn chế, bất cập của văn hoá thì xuất phát điểm luôn phải bắt đầu từ con người, từ hành vi, hoạt động, kế sách của con người.

Với văn nghệ sỹ, người nắm vũ khí sáng tạo ra văn học - nghệ thuật, người có trách nhiệm tiên phong đánh thức và gợi mở cho xã hội hình dung con đường đi về tương lai, trước hết phải là người phản ánh trung thực đời sống văn hoá - xã hội; không nên tìm lý do để quay lưng lại với những số phận con người - từ người lao động mất việc làm do dịch bệnh đến những chiến sỹ, bác sỹ, người hảo tâm... xả thân vì cộng đồng, chống lại kẻ thù vô hình và hữu hình; từ những người cố tình hay không may bị vướng vòng lao lý vì tham nhũng, biến chất đến những người dám chết để làm điều tử tế; từ những vị tướng dám hy sinh quyền lợi cá nhân, rũ bỏ những tư duy cứng nhắc giáo điều đến những người lính

âm thầm nơi biên cương, hải đảo giữ bình yên cho Tổ quốc... Rất nhiều số phận cần phải có mặt nhưng lâu nay gần như vắng bóng trong văn học nghệ thuật.

Nghị quyết Trung ương 9 (khóa XI) khẳng định, văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội. Điều ấy có nghĩa là, đối với nhà quản lý, đối với doanh nhân, hay đối với các chương trình, đề án phát triển kinh tế - xã hội, mục tiêu văn hoá phải được hoạch định ngay từ đầu bên cạnh mục tiêu kinh tế; các công trình không chỉ sinh lời về kinh tế, không chỉ tìm kiếm lợi nhuận mà còn phải bảo vệ được văn hoá, không làm hư hỏng con người, hoặc sinh lời về văn hoá.

Hiện nay, văn hoá làm người của “một bộ phận cán bộ, đảng viên”, như Nghị quyết TW 4 khoá XIII đã ghi, còn có vấn đề. “Một bộ phận cán bộ, đảng viên, trong đó có cả cán bộ lãnh đạo, quản lý nhận thức chưa đầy đủ tính chất, tầm quan trọng của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; chưa nêu cao tinh thần trách nhiệm, thiếu gương mẫu, phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí, sa vào chủ nghĩa cá nhân, nói chưa đi đôi với làm, vi phạm kỷ luật đảng, vi

phạm pháp luật” (Dangcongsan.vn, 29/10/2021). Điều đó là nguyên nhân sâu xa làm tổn hại sự lành mạnh của các quan hệ xã hội, quan hệ giữa người với người - thầy thuốc với con bệnh, thầy với trò, công an với dân, dân với cơ quan công quyền, cấp trên với cấp dưới...

Trong sự nghiệp phát triển văn hoá, văn hoá làm người bao giờ cũng là mục tiêu sống còn của phát triển văn hoá. Nếu văn hoá làm người mờ nhạt hay cực đoan, xã hội giả dối hoặc bất an. Nếu văn hoá làm người lệch lạc hay méo mó, xã hội chệch hướng và hỗn loạn. Nếu văn hoá làm người lành mạnh, trung thực thì lẽ phải được tôn trọng, xã hội phát triển bình thường; con người không lo âu vì bất hạnh vô cớ; người giàu có niềm vui của sự giàu có; người thành đạt có hạnh phúc của sự thành đạt; kẻ nghèo, người lao động bình thường có niềm vui, điều dễ chịu của sự thanh bần, của người dân lương thiện.

Nhìn lại lịch sử phát triển hàng nghìn năm của xã hội Việt Nam, có thể thấy khả năng điều tiết của văn hóa Việt Nam ngay từ rất sớm đã tỏ ra là có đủ bản lĩnh và sức mạnh để kháng với những tác động tiêu cực từ bên

trong và bên ngoài, tấn công lại và chiến thắng mọi cái xấu và cái ác. Trong số các dân tộc Bách Việt miền nam sông Dương Tử, chỉ có Việt Nam là không bị đồng hóa bởi văn minh Hán, dù phải trải qua hơn 1000 năm Bắc thuộc. Không có ngoại lệ, trong tất cả các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ Quốc, Việt Nam đều chiến thắng, dù đó là Tần, Hán, Tống, Nguyên, Minh, Thanh hay Pháp, Mỹ. Trong khi cả châu Á không có truyền thống thám hiểm biển cả, thì từ rất sớm người Việt đã chinh phục được Biển Đông, làm chủ được Hoàng Sa - Trường Sa. Giữ vị trí giao điểm của các luồng văn minh, Việt Nam xưa nay luôn là mảnh đất dừng chân, lập nghiệp và hội tụ của nhiều tôn giáo, nhiều phương thức sống, nhiều dạng văn minh. Văn minh Đông Sơn, văn hóa Sa Huỳnh, Văn minh Đại Việt từ Đinh, Lê đến tận thế kỷ XX, trong tương quan với các nền văn minh - văn hóa bên ngoài đương thời, đều không thua kém bao nhiêu về trình độ phát triển.

Với nền văn hóa có bề dày truyền thống như vậy, các thế hệ con người Việt Nam hôm nay chắc chắn không hề thiếu những phẩm chất thông

minh và sáng tạo, dũng cảm và bản lĩnh, hiếu học và cần cù, khoan dung và nhân hậu... cần thiết cho sự nghiệp xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Có cơ sở để tin rằng, sau 35 Đổi mới,

văn hóa và con người Việt Nam đã có đủ điều kiện, tiềm năng và sức mạnh để thực hiện được các mục tiêu phát triển đất nước mà Đại hội XIII của Đảng đã xác định ■

1. ADB (2021), Poverty Data: Vietnam, <https://www.adb.org/countries/viet-nam/poverty>
2. Quốc hội chất vấn Bộ trưởng Bộ Công an Tô Lâm, Baochinhpvu.vn, <http://baochinhpvu.vn>, truy cập 04/06/2019.
3. Ban Bí thư kỷ luật Ban Thường vụ Đảng ủy Cảnh sát biển Việt Nam nhiệm kỳ 2015-2020 và một số cá nhân, <http://baochinhpvu.vn>, truy cập 01/10/2021.
4. Kỷ luật cảnh cáo Ban cán sự Đảng Bộ Y tế nhiệm kỳ 2016-2021, <http://baochinhpvu.vn>, truy cập 19/11/2021.
5. Vụ Việt Á là rất nghiêm trọng, cần phải được xử lý nghiêm minh, <https://baochinhpvu.vn>, truy cập 21/12/2021.
6. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 (khoá XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng. <http://baochinhpvu.vn>, truy cập 1/10/2016.
7. Cử tri ước đời sống kinh tế như ngày nay nhưng đạo đức xã hội như ngày xưa. <https://nhandan.vn>, truy cập 25/5/2018.
8. Toàn văn kết luận Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, <https://dangcongsan.vn>, truy cập 29/10/2021.
9. ĐCSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. t.I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.
10. Human Development Report 2020.
11. Ngành giáo dục phải vươn lên mạnh mẽ, đổi mới tư duy quản lý. <https://mpm.chinhphu.vn>, truy cập 06/05/2021.
12. Quách Tương Uy (BBC 26/1/2010): Sức mạnh mềm của Việt Nam? <https://www.bbc.com>.
13. UNESCO, Vietnam: <http://whc.unesco.org/en/statesparties/vn>.

ĐỊNH HƯỚNG PHỤC HỒI, PHÁT TRIỂN KINH TẾ KHI ĐẤT NƯỚC CHUYỂN SANG TRẠNG THÁI BÌNH THƯỜNG MỚI TRONG ĐẠI DỊCH COVID-19

● PGS, TS NGUYỄN VĂN THẠO

Nguyên Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương

1. Bối cảnh tình hình, những khó khăn, thách thức

Hai năm qua, đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình kinh tế đất nước ta. Sự đứt gãy của các chuỗi cung ứng quốc tế và những biện pháp quyết liệt để thực hiện dân cách xã hội, khoanh vùng, cách ly, hạn chế đi lại, giao tiếp giữa mọi người, giữa các địa phương trong nước, nhất là ở các đô thị lớn, các trung tâm kinh tế, thương mại để chống dịch đã làm đình trệ hoạt động kinh tế vốn hết sức sôi động của đất nước. Hàng triệu hộ gia đình, những người kinh doanh, buôn bán nhỏ phải dừng hoạt động, thu hẹp hoạt động; hàng trăm nghìn doanh nghiệp nhỏ và vừa gặp

khó khăn, phải đóng cửa, dừng hoạt động. Nhiều doanh nghiệp lớn, nhiều khu công nghiệp phải thu hẹp sản xuất, thậm chí phải dừng sản xuất nhiều ngày vì dịch bệnh, không giao được hàng cho đối tác theo đúng hợp đồng. doanh nghiệp trong các ngành hàng không, du lịch thuộc loại bị ảnh hưởng nặng nề nhất bởi đại dịch... Tăng trưởng GDP của đất nước giảm sâu, từ 6-7%/năm của các năm trước, năm 2020, chỉ còn đạt 2,93%, 9 tháng đầu năm 2021, chỉ đạt 1,47% (Quý III năm 2021, do đợt dịch Covid-19 thứ tư bùng phát mạnh, tăng trưởng kinh tế giảm -6,17%), triển vọng cả năm 2021, tăng trưởng GDP của đất nước được dự báo cũng ở mức trên, dưới 2%...



Đường phố Hà Nội trở lại trạng thái "bình thường mới" _ Ảnh: vietnamnet.vn

Mặc dù nước ta vẫn còn đạt được mức tăng trưởng GDP dương, không phải là tăng trưởng âm như nhiều nước trên thế giới, nhưng đây là những mức tăng trưởng GDP thấp nhất trong hơn 30 năm qua ở nước ta. Hàng triệu người không có việc làm, mất nguồn thu nhập, cuộc sống vô cùng khó khăn; hàng trăm nghìn người rời bỏ các thành phố lớn, các khu công nghiệp trở về quê để tránh dịch, dựa vào gia đình, vào sản xuất nông nghiệp để sống qua thời gian dịch, gây xáo động xã hội, là hiện tượng chưa từng thấy ở nước ta nhiều năm qua...

Hiện nay, trước dự báo tình hình khả năng dịch Covid-19 còn có thể kéo dài, khó có khả năng loại bỏ hoàn toàn được các biến chủng của vi rút gây dịch ra khỏi xã hội, mà phải thích ứng, chung sống với chúng, hạn chế tác hại của chúng, cùng với nhiều nước trên thế giới, nước ta cũng thay đổi cách thức chống Covid-19, từ truy vết, cách ly, tạt diệt nguồn vi-rút gây bệnh, chuyển sang vừa chống Covid-19, ngăn chặn lây lan, giảm tối đa các trường hợp tử vong do covid, vừa phục hồi, phát triển kinh tế, xem đây là trạng thái bình thường mới. Ngăn chặn Covid-19 lây lan, bảo vệ sức

khỏe, tính mạng con người vẫn phải là nhiệm vụ, mục tiêu quan trọng nhất, nhưng phục hồi hoạt động kinh tế, phát triển kinh tế cũng là yêu cầu, nhiệm vụ cấp bách, không thể trì hoãn. Người dân không chỉ khổ, cuộc sống bị đe dọa vì covid mà còn khổ, cuộc sống bị đe dọa vì không có việc làm, không có thu nhập. Các hộ kinh doanh, các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp có hợp đồng kinh tế với nước ngoài, việc dừng hoạt động dài ngày, không thực hiện được các hợp đồng đã ký kết với nước ngoài, có nguy cơ mất bạn hàng, mất hợp đồng sản xuất kinh doanh với các đối tác. Tăng trưởng GDP của đất nước giảm sâu, trong khi nhiều nước trên thế giới vừa chống covid, vừa phục hồi, phát triển kinh tế, đã thoát khỏi tình trạng tăng trưởng kinh tế âm, đạt tốc độ tăng trưởng GDP cao, 5-6%, như Mỹ, hay cao hơn, như Trung Quốc (tới trên, dưới 8%). Trong bối cảnh đó, nếu nước ta không nhanh chóng phục hồi, phát triển kinh tế, để kinh tế tụt hậu xa hơn so với các nước trên thế giới thì hậu quả sẽ to lớn, lâu dài.

Song, việc phục hồi, phát triển kinh tế ở nước ta trong bối cảnh tình hình hiện nay là không dễ dàng, mà có rất

nhiều khó khăn, thách thức, đặc biệt là về nguồn lực và môi trường kinh doanh. Hộ kinh doanh là lực lượng kinh tế lớn của đất nước, nhưng phổ biến là quy mô nhỏ, tiềm lực kinh tế yếu, hai năm qua, hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch covid, với nhiều hộ, phục hồi kinh doanh như trước khi covid xảy ra đã là việc khó khăn. Khoảng 96-97% doanh nghiệp trong các ngành, lĩnh vực là doanh nghiệp nhỏ và vừa, năng lực tài chính, khoa học công nghệ phổ biến là yếu, hoạt động kinh doanh phụ thuộc nhiều vào vốn vay ngân hàng. Hai năm đại dịch vừa qua, hàng trăm nghìn doanh nghiệp đã phải giảm quy mô hoạt động, tạm dừng hoạt động, các doanh nghiệp còn lại cũng hoạt động trong trạng thái có nhiều khó khăn. Các lực lượng này rất cần phải có sự hỗ trợ cả về nguồn lực và động lực để phục hồi và phát triển. Trong khi đó, dịch covid hai năm qua cũng ảnh hưởng xấu đến nguồn lực tài chính của Nhà nước. Kinh tế suy giảm, trước những khó khăn của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, Nhà nước ban hành nhiều chính sách miễn thuế, giảm thuế, cho phép chậm nộp thuế... làm ảnh hưởng không nhỏ đến

thu ngân sách nhà nước. Mặt khác, Nhà nước lại thực hiện nhiều gói cứu trợ, hỗ trợ lên đến hàng trăm nghìn tỷ đồng cho các doanh nghiệp, các đối tượng xã hội bị ảnh hưởng nhiều bởi dịch covid để duy trì hoạt động kinh tế, bảo đảm ổn định xã hội. Trong bối cảnh tỷ lệ nợ công vẫn còn ở mức cao, lạm phát vẫn là nguy cơ chưa thể xem thường, du địa cho việc Nhà nước đi vay cho đầu tư, hỗ trợ phục hồi, phát triển kinh tế cũng rất hạn chế. Khó khăn đối với phục hồi, phát triển kinh tế còn lớn hơn nữa khi Nhà nước ta, với nguồn lực tài chính như vậy, lại vẫn phải tiếp tục quan tâm đầu tư, củng cố bảo đảm quốc phòng, an ninh của đất nước trong tình hình Biển Đông, an ninh trong khu vực và trên thế giới diễn biến phức tạp, tiếp tục phải giành nguồn lực cho phòng, chống thiên tai, dịch bệnh đang và sẽ xảy ra, ứng phó với tác động của biến đổi khí hậu đang và sẽ tác động lớn đến nước ta nhanh hơn, sớm hơn so với dự báo trước đây. Hơn nữa, trên thế giới, mặc dù các quốc gia, cộng đồng quốc tế đã nỗ lực cao, tập trung nguồn lực để đối phó, nhưng đại dịch Covid-19 vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp với sự xuất hiện của nhiều biến chủng vi-rút mới lây lan

nhanh hơn, độc hại và nguy hiểm hơn, nhiều chuỗi cung ứng vẫn bị đứt gãy, cạnh tranh chiến lược, trừng phạt, cấm vận, trả đũa giữa các nước lớn, giữa Mỹ và các đồng minh của Mỹ với Trung Quốc..., phục hồi kinh tế thế giới còn rất khó khăn; trong khi các nước, nhất là các nước lớn, đều tung ra những gói cứu trợ lớn để hỗ trợ các đối tượng bị ảnh hưởng bởi đại dịch, hỗ trợ nền kinh tế làm cho lạm phát trở thành nguy cơ lớn có thể bùng phát... Bối cảnh đó làm cho việc phục hồi, phát triển kinh tế phải vượt qua nhiều khó khăn, thách thức lớn. Tuy nhiên, chính trong những hoàn cảnh khó khăn lại là lúc ý chí vươn lên của nhân dân ta được khơi dậy, phát huy, lại là động lực để đất nước đẩy mạnh đổi mới; trong thời đại toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp lần thứ tư, kinh tế nhiều nước trên thế giới cũng lâm vào khó khăn, lại tạo cơ hội để nước ta có thể vượt lên trong thu hút đầu tư, đẩy mạnh xuất khẩu, tham gia nhiều hơn vào các chuỗi giá trị toàn cầu, thu hẹp khoảng cách phát triển với các nước đi trước...

2. Một số định hướng và giải pháp

Trong bối cảnh đại dịch Covid-19 còn chưa hoàn toàn bị đẩy lùi mà tiếp

tục diễn biến phức tạp với những biến chủng mới, thì yêu cầu cũng như điều kiện tiên quyết để phục hồi, phát triển kinh tế là phải khống chế được dịch, từng bước hạn chế, giảm thiểu được hậu quả do dịch gây ra, bảo vệ sức khỏe, tính mạng người dân, ổn định xã hội. Tuyệt đối không thể chủ quan, buông lỏng các biện pháp chống dịch đã được khẳng định có hiệu quả, như đeo khẩu trang, hạn chế tụ họp đông người, đẩy nhanh việc tiêm vắc xin đủ hai mũi cho đến khi đạt tới 80-85% dân số, mở rộng tiêm vắc xin mũi ba cho các đối tượng, tập trung điều trị bệnh nhân nhiễm covid, nhất là những bệnh nhân nặng để giảm tử vong... Trong bối cảnh đó, việc lãnh đạo, chỉ đạo phục hồi, phát triển kinh tế cần phải hết sức linh hoạt, bám sát diễn biến tình hình dịch covid trên cả nước, cũng như từng vùng, từng địa phương mà có sự điều chỉnh linh hoạt, kịp thời; cũng như cần theo dõi sát tình hình dịch covid, biến động giá cả hàng hóa, lạm phát, sự phục hồi kinh tế ở nước trên thế giới, nhất là những nước là đối tác kinh tế lớn của Việt Nam, để có sự điều chỉnh, ứng phó kịp thời, hiệu quả.

Để phục hồi và phát triển kinh tế đòi

hỏi cần phải huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cả trong và ngoài nước, cả nội lực và ngoại lực, cả nguồn lực vật chất và tinh thần, vừa huy động được nhiều và sử dụng hiệu quả các nguồn lực mới, vừa nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực, tài sản hiện có. Để đất nước vượt qua những khó khăn do dịch covid gây ra, phục hồi và phát triển kinh tế, Nhà nước có vai trò rất lớn. Nhà nước vừa là người ban hành luật pháp, cơ chế chính sách tạo động lực và định hướng hoạt động cho tất cả chủ thể, thành viên xã hội, vừa là chủ thể lớn nhất, nắm trong tay những nguồn lực vật chất to lớn để phục hồi, phát triển kinh tế. do đó, để phục hồi, phát triển kinh tế, trước hết, Nhà nước cần phải tập trung hoàn thiện thể chế, tháo gỡ những vướng mắc, trở ngại để đẩy nhanh việc cơ cấu lại, đổi mới quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước (hiện nay, đây là bộ phận đang nắm giữ một nguồn lực to lớn của đất nước nhưng hiệu quả hoạt động còn hạn chế, chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế, lực lượng vật chất mà khu vực này nắm giữ). Đồng thời, Nhà nước cũng cần phải đổi mới quản lý,

nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực đất đai, các tài nguyên thiên nhiên của đất nước. Đây cũng là những nguồn lực to lớn nhưng chưa được quản lý sử dụng có hiệu quả, lãng phí, thất thoát rất lớn.

Mặc dù dịch covid có làm ảnh hưởng đến nguồn thu, phải tăng chi cho các gói cứu trợ, hỗ trợ doanh nghiệp, những đối tượng xã hội gặp khó khăn bởi đại dịch, nhưng Nhà nước vẫn có trong tay những nguồn lực tài chính to lớn. Nhà nước cần phải có chương trình, kế hoạch, đổi mới cơ chế quản lý để nhanh chóng, kịp thời sử dụng nguồn lực này có hiệu quả, như:

- Đầu tư vào các chương trình, dự án quan trọng, sớm phát huy hiệu quả (nhất là các chương trình, dự án sắp hoàn thành). Hoàn thiện thể chế, tập trung tháo gỡ các vướng mắc, đẩy nhanh việc thực hiện chương trình tái cơ cấu ở các doanh nghiệp nhà nước; các ngành, lĩnh vực, các dự án đầu tư công đã được phê duyệt, đã có sẵn nguồn vốn và quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả vốn đầu tư, xử lý trách nhiệm những cơ quan và cán bộ có liên quan để vốn đầu tư công tồn đọng kéo dài,

gây lãng phí, tiêu cực trong thực hiện dự án.

- Xây dựng quy chế để Nhà nước có thể hỗ trợ vốn, cho vay ưu đãi các doanh nghiệp trong nước (cả doanh nghiệp nhà nước và ngoài nhà nước) có dự án đầu tư có hiệu quả, có các hợp đồng lớn nhưng khó khăn về vốn khi thực hiện để việc hỗ trợ được thực hiện có cơ sở pháp luật, công khai, minh bạch. - chuẩn bị các điều kiện để sớm phục hồi các đường bay quốc tế, từng bước mở cửa du lịch, có các phương án chống dịch phù hợp với tình hình này, ngăn chặn dịch bùng phát.

- Quan tâm đầu tư phát triển hạ tầng số, nâng cấp mạng cáp quang, Internet, phát triển mạng 5G, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia, hệ thống an ninh, bảo đảm an toàn mạng thông tin. Đẩy mạnh chuyển đổi số ở các ngành, lĩnh vực kinh tế, các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội, phát triển kinh tế số, chính phủ số, xã hội số.

- Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng trọng điểm của các ngành, các vùng, các công trình ứng phó với biến đổi khí hậu; các dự án năng lượng, nhất là năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, các dự án cơ khí chế tạo, luyện

kim, hóa chất, sản xuất vật liệu, nhất là vật liệu mới.

- Đặc biệt, Nhà nước cần quan tâm đầu tư phát triển và đổi mới thể chế quản lý để đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, yếu tố rất quan trọng không chỉ để đáp ứng yêu cầu phục hồi kinh tế mà cả đối với phát triển kinh tế nhanh, bền vững về lâu dài.

Kinh tế tư nhân là bộ phận lớn, có vị trí rất quan trọng của nền kinh tế, hiện đóng góp trên 40% GDP. Dịch Covid-19 làm cho các doanh nghiệp tư nhân và các hộ kinh doanh cá thể gặp rất nhiều khó khăn. Tuy nhiên, đây là khu vực kinh tế có sức sống dẻo dai, mạnh mẽ, có tiềm năng to lớn, đã nhiều lần giúp nền kinh tế đất nước phục hồi, phát triển trong những thời kỳ khó khăn trong hơn 35 năm đổi mới vừa qua. Đây chắc chắn sẽ là một lực lượng quan trọng để phục hồi, phát triển kinh tế đất nước trong và sau đại dịch Covid-19. Một số giải pháp cần tập trung thực hiện ngay, như:

- Không chỉ dừng lại ở những gói cứu trợ khẩn cấp cho những doanh nghiệp gặp khó khăn để tồn tại, mà

Nhà nước cần tạo ra các điều kiện thuận lợi về thể chế, thủ tục hành chính, có các chính sách ưu đãi, khuyến khích, tạo động lực cho doanh nghiệp tư nhân, hộ kinh doanh tư nhân phục hồi, phát triển, phát huy tiềm năng, thế mạnh của khu vực kinh tế này, để khu vực kinh tế này phát huy được vai trò to lớn của mình vào phục hồi, phát triển kinh tế đất nước như những thời kỳ đất nước rơi vào tình trạng khó khăn trước đây. Những khó khăn của đất nước do dịch Covid-19 tạo ra cần phải trở thành cơ hội, động lực để Nhà nước đẩy mạnh đổi mới, hoàn thiện thể chế, luật pháp, cơ chế chính sách, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi nhất, định hướng và tạo động lực thúc đẩy mạnh mẽ mọi chủ thể trong xã hội chủ động, tích cực khai thác, phát huy tiềm năng, lợi thế, nguồn lực có thể khai thác của mình để đưa vào hoạt động kinh tế. Nhà nước cần phải loại bỏ những quy định chông chéo, mâu thuẫn, không hợp lý trong luật pháp, chính sách, những thủ tục hành chính gây phiền hà, phân biệt đối xử, cản trở đầu tư, kinh doanh; bổ sung những quy định mới tạo hành lang pháp luật cho những lĩnh vực,

những mô hình, phương thức kinh doanh mới, khuyến khích đổi mới sáng tạo.

- Phối hợp chặt chẽ, điều hành linh hoạt chính sách tài chính, tiền tệ, nhất là chính sách thuế, lãi suất tín dụng, hỗ trợ, đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn và giảm nhẹ nghĩa vụ tài chính cho doanh nghiệp, người sản xuất kinh doanh để phục hồi, phát triển kinh tế và bảo đảm ổn định kinh tế, ngăn ngừa lạm phát.

- Phát huy đầy đủ, đúng đắn vai trò của thị trường trong huy động, phân bổ các nguồn lực, quyết định giá cả, điều tiết lưu thông, hoạt động của doanh nghiệp... tạo môi trường công khai, minh bạch, cạnh tranh lành mạnh trong hoạt động kinh tế.

- Đồng thời, Nhà nước cần tăng cường kỷ luật kỷ cương trong tổ chức thực hiện, nâng cao trách nhiệm của từng cơ quan, từng cán bộ, công chức ở mọi vị trí công tác, nhất là của người đứng đầu; tăng cường giám sát (nội bộ, giám sát xã hội), thanh tra, kiểm tra, đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, phát hiện kịp thời, xử lý nghiêm minh mọi sai phạm.

Trong khu vực kinh tế tư nhân, cần quan tâm trước hết, nhiều hơn đến hỗ trợ phục hồi, phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ, hộ sản xuất kinh doanh (lực lượng đông đảo những người sản xuất nhỏ); đối với các doanh nghiệp tư nhân lớn, cùng với các chính sách khuyến khích, hỗ trợ chung, cần có chính sách định hướng, khuyến khích họ đầu tư vào lĩnh vực sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, nhất là lĩnh vực công nghệ cao, những lĩnh vực được Nhà nước xác định là mũi nhọn, nòng cốt, cần ưu tiên phát triển; đồng thời, ngăn ngừa độc quyền, ngăn chặn và xử lý tình trạng “chủ nghĩa tư bản thân hữu”, mối nối giữa chủ doanh nghiệp và cán bộ, công chức các cơ quan quản lý nhà nước.

Hai năm qua, nước ta đã thực hiện có kết quả cao hoạt động ngoại giao vắc xin, được nhiều quốc gia, nhiều tổ chức quốc tế, nhiều tập đoàn sản xuất vắc xin chống Covid-19 lớn trên thế giới tặng, bán cho một số lượng lớn vắc xin, góp phần rất quan trọng vào những kết quả chống dịch của nước ta. Điều này cho thấy uy tín của nước ta trên thế giới. Đây là kết quả của đường lối đối ngoại đúng đắn, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế của Đảng, Nhà

nước ta, thành tựu của công cuộc đổi mới, phát triển đất nước ta trong những năm qua. Giờ đây, để phục hồi, phát triển kinh tế, cùng với phát huy nội lực, ngoại lực cũng là nguồn lực lớn cần được khai thác, sử dụng có hiệu quả. Trong bối cảnh đại dịch Covid-19 làm đứt gãy nhiều chuỗi cung ứng trên thế giới, làm cho hoạt động đầu tư và thương mại quốc tế bị trở ngại, giám sát, hiện nay, các nước, các tập đoàn kinh tế, các doanh nghiệp trên thế giới đang nỗ lực tìm cách phục hồi, Nhà nước ta, doanh nghiệp nước ta cần phải tận dụng được cơ hội này, tham gia tích cực vào phục hồi các chuỗi cung ứng, các hoạt động đầu tư, thương mại quốc tế để phục hồi kinh tế đất nước. Để làm được điều này đòi hỏi nước ta nhất thiết phải kiểm soát được dịch covid, có kế hoạch tổng thể, nhiều giải pháp đồng bộ:

- Chủ động, tích cực đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại của Đảng, Nhà nước, các cấp, các ngành để mở đường, kết nối, thúc đẩy quan hệ kinh tế thương mại, khoa học công nghệ của đất nước, của doanh nghiệp trong nước với các nước, các doanh nghiệp nước ngoài.

- Hoàn thiện thể chế, luật pháp, chính sách (nhất là chính sách tài chính, đất đai), thủ tục hành chính để tạo môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, thuận lợi, hấp dẫn; đào tạo nguồn nhân lực đồng đảo có chất lượng... thu hút đầu tư nước ngoài, để các nhà đầu tư nước ngoài sản xuất kinh doanh thuận lợi, có hiệu quả, đóng góp vào phục hồi, phát triển kinh tế Việt Nam, chuyển giao công nghệ, thu hút doanh nghiệp Việt Nam tham gia vào các chuỗi giá trị toàn cầu.

- Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp, người sản xuất trong nước đổi mới công nghệ, áp dụng các quy trình sản xuất, các tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, sử dụng lao động, bảo vệ môi trường, vệ sinh, an toàn của các nước tiên tiến trên thế giới, của các tổ chức quốc tế để sản phẩm của Việt Nam có thể tham gia các chuỗi giá trị toàn cầu, có thể xuất khẩu sang thị trường ở các nước phát triển; hỗ trợ doanh nghiệp, người sản xuất trong nước tiếp cận thị trường nước ngoài, chuyển đổi số, phát triển thương mại điện tử để quảng bá, giới thiệu sản phẩm và bán hàng trên thị trường thế giới... ■

ĐỔI MỚI MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG LẤY KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO LÀM ĐỘNG LỰC CHỦ YẾU

● PGS, TS NGÔ TUẤN NGHĨA

*Viện trưởng Viện Kinh tế chính trị học,
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*



*Hoạt động sản xuất tại Công ty OMRON, Khu công nghiệp VSIP II _
Ảnh:/baobinhduong.vn*

Trước xu thế phát triển mới của cách mạng khoa học - công nghệ, việc đổi mới mô hình tăng trưởng lấy khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo làm động lực chủ

yếu trở thành yêu cầu tất yếu khách quan đối với phát triển của Việt Nam. Yêu cầu đó càng trở nên cấp thiết trong bối cảnh phục hồi và phát triển kinh tế do tác động của đại dịch Covid-19.

Quá trình này đòi hỏi sự nỗ lực không chỉ cộng đồng các doanh nghiệp mà còn đòi hỏi vai trò chủ động, tích cực của Nhà nước.

1. Phát huy động lực khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo trong đổi mới mô hình tăng trưởng - yêu cầu tất yếu đối với phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam

Lịch sử phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia trên thế giới cho thấy, mỗi khi động lực phát triển được phát huy đúng, bắt trúng thời cơ tương ứng với xu hướng phát triển của trình độ phát triển của văn minh của nhân loại, quốc gia đó thu được những thành công và tạo ra tiềm năng phát triển kinh tế - xã hội mới, dịch chuyển được trình độ văn minh vật chất và văn minh xã hội.

Minh chứng rõ nhất là sự thành công của các quốc gia phát triển Tây Âu thời kỳ Phục hưng; Nhật Bản thời kỳ cải cách của Minh Trị cũng như giai đoạn sau chiến tranh thế giới lần thứ hai; Hàn Quốc trong những năm thuộc thập niên 60 đến 90 của thế kỷ XX, Trung Quốc từ thập niên 80 thế kỷ XX đến nay... Những kinh nghiệm phát triển như vậy không đưa đến

nhiều mô thức phát triển để có thể rập khuôn, áp dụng một cách xơ cứng, giáo điều đối với các nước có trình độ xuất phát điểm thấp về kinh tế - xã hội như Việt Nam. Song, các kinh nghiệm của các quốc gia điển hình nêu trên cho chúng ta cách nhìn nhận thực tiễn tích cực về việc cần thiết phải tìm được đúng và trúng động lực phát triển đất nước trong bối cảnh mới.

Ứng với điều kiện phát triển của lực lượng sản xuất trên thế giới hiện nay, các quốc gia đang bước tới và chịu sự tác động mạnh mẽ của những thành tựu khoa học - công nghệ, phương thức phát triển đặc biệt mới, chưa từng chứng kiến so với các bước phát triển nhảy vọt trong những giai đoạn trước đây. Những thành tựu mới, những động lực mới đó được khái quát trong quan niệm về một cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (cách mạng 4.0). Mặc dù mới xuất hiện, nhưng mức độ và phạm vi tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư lan tỏa và xâm nhập nhanh, rộng, mạnh chưa từng thấy.

Thời kỳ của khoa học - công nghệ trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp

trở nên rõ và hiện hữu hơn bao giờ hết. Nghĩa là động lực mới của sự phát triển trong thời đại khoa học - công nghệ đã xâm nhập vào quá trình tái sản xuất, đây cũng chính là cơ hội to lớn cho quốc gia nào thích ứng và khai thác được động lực phát triển mới này. Thực tế cũng cho thấy, nước nào khai thác tốt các cơ hội lớn này, đều đạt được những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội nổi bật trong thời gian 5 năm trở lại đây. Khoa học - công nghệ, sự phát triển dựa trên đổi mới sáng tạo đang trở thành phương thức duy trì năng lực cạnh tranh quốc gia, xây dựng phương thức mới để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả của nền kinh tế; đổi mới phương thức quản trị quốc gia và quản trị phát triển xã hội.

Đối với Việt Nam, sau một số thập niên đạt được thành tựu lớn về kinh tế - xã hội nhờ khai thác và phát huy động lực phát triển theo chiều rộng, đến nay, mô hình tăng trưởng dựa trên nguồn lực lao động giá rẻ, tài nguyên đất đai đã không còn phát huy hiệu quả. Thực tế cho thấy, sự hiện hữu của vấn đề động lực tăng trưởng cũ, mô hình tăng trưởng theo chiều rộng, kém bền vững không thể kéo dài năng

lượng tiềm tàng dài hơn nữa. Đổi mới mô hình tăng trưởng trở thành mệnh lệnh của đời sống kinh tế - xã hội và trong sự phát triển mới của đất nước. Mô hình tăng trưởng mới dựa trên động lực mới cần được thích ứng và phát huy.

Ngày nay, động lực khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo đang trở thành trụ cột sự phát triển của kinh tế cũng như quản trị phát triển xã hội. Đổi mới sáng tạo trở thành yêu cầu không thể đảo ngược đối với sự phát triển của các quốc gia, nhất là các quốc gia đi sau. Với ý nghĩa đó, đổi mới mô hình tăng trưởng dựa trên động lực khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo là phương thức chuẩn hóa cách thức phát triển, khai thác được lợi thế của một quốc gia đi sau và khơi dậy khát vọng phát triển đất nước trong tình hình hiện nay. Đổi mới mô hình tăng trưởng dựa trên động lực khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo trở thành tất yếu đối với sự phát triển của Việt Nam. Tuy nhiên, để thúc đẩy tăng trưởng và đổi mới mô hình tăng trưởng cần nhiều thành tố mang tính động lực. Sự phát triển trên thế giới cũng như những bài toán mang tính thách thức mà mô hình

tăng trưởng của chúng ta đang phải đổi diện, đòi hỏi phải có lời giải thỏa đáng thì động lực khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo mới giữ được vai trò là động lực chủ yếu trong quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng ở nước ta hiện nay và những năm tới.

2. Yêu cầu của phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội càng làm cho việc đổi mới mô hình tăng trưởng lấy khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo làm động lực chủ yếu trở nên cấp thiết

Tác động sâu sắc của đại dịch Covid-19 đến nền kinh tế - xã hội nước ta đang làm cho bài toán đổi mới mô hình tăng trưởng trở nên phức hợp, đòi hỏi nhiều nỗ lực hơn. Việc đổi mới mô hình tăng trưởng trong điều kiện bình thường đã là quá trình thay đổi về chất với rất nhiều nỗ lực, khó khăn, việc đổi mới mô hình tăng trưởng trong điều kiện đòi hỏi phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội do tác động của đại dịch lại càng trở nên khó khăn, phức tạp hơn. Đó là một thực tế.

Về mặt tác động không mong muốn, sự đứt gãy hệ thống chuỗi sản xuất trên phạm vi quốc tế đã gây ảnh hưởng đến các cấu trúc nền tảng của sản xuất cũng như tiêu thụ của nền kinh tế đất

nước. Những nỗ lực chuyển đổi từ mô hình tăng trưởng kinh tế theo chiều rộng, kém bền vững sang mô hình tăng trưởng kinh tế dựa trên ứng dụng mạnh mẽ khoa học - công nghệ, bền vững hơn, đòi hỏi sự tuần hoàn, chu chuyển một cách thông suốt của các yếu tố công nghệ cũng như sự ứng dụng công nghệ vào sản xuất. Nay trong điều kiện đứt gãy các chuỗi cung ứng, cơ hội có được nhanh hơn các thành tựu khoa học - công nghệ để chuyển hóa chúng vào trong quá trình sản xuất, tái sản xuất, từ đó từng bước tạo ra nền tảng của mô hình tăng trưởng mới trở nên khó khăn hơn. Nguyên nhân là do hầu hết các chủ thể sáng tạo công nghệ đang phải xoay sở với tình trạng khó khăn chung. Hệ quả là việc thích ứng với sự phát triển mới trở nên không thể duy trì với nhịp độ và lộ trình bình thường mà phải nỗ lực hơn gấp nhiều lần.

Về cơ hội, trong tác động không mong muốn được coi như thách thức nêu trên, cơ hội đẩy nhanh quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng để phục hồi và phát triển kinh tế cũng lớn hơn bao giờ hết. Không còn cách để trì hoãn, các chủ thể quản trị quốc gia, địa

phương, hoạt động sản xuất, kinh doanh, từng người dân phải thích ứng với vai trò của các yếu tố quản lý và tổ chức mới. Trong đó, việc ứng dụng các thành tựu khoa học - công nghệ để có thể hoạt động trong trạng thái vừa thích ứng với điều kiện dịch bệnh, vừa thực hiện chức năng quản lý và sản xuất, kinh doanh trở thành tất yếu và như một nhu cầu tự thân của cả các cơ quan quản lý nhà nước cũng như doanh nghiệp, người dân. Đây là cơ hội hiếm có và phải mất rất nhiều thời gian cũng như nguồn lực mới có thể thực hiện được trong điều kiện thông thường. Với ý nghĩa như vậy, một mặt, việc khuyến khích, thúc đẩy các chủ thể quản lý, kinh doanh và người dân nhận thức đây là cơ hội, trở thành nhiệm vụ đẩy mạnh các biện pháp thích ứng với chuyển đổi mô hình tăng trưởng; mặt khác, việc thực hiện chuyển đổi mô hình tăng trưởng vừa thực hiện nhiệm vụ hồi phục kinh tế, vừa hướng tới tạo tiền đề cho những bước phát triển của những giai đoạn tới càng làm cho đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo cần phải nhanh hơn và phạm vi sâu, rộng hơn. Sở dĩ có áp lực đó là vì, xét

về cấu trúc nền tảng các tiền đề công nghiệp dịch vụ cốt lõi, tiềm năng, lâu dài của nền kinh tế của nước ta hiện nay còn hạn chế trên nhiều mặt.

Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII đã chỉ ra: Phát triển công nghiệp chưa đáp ứng được yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thiếu tính bền vững; chưa tạo ra được ngành công nghiệp trong nước có năng lực cạnh tranh cao, chưa có ngành công nghiệp mũi nhọn đóng vai trò dẫn dắt. Sản xuất công nghiệp chủ yếu là gia công, lắp ráp, giá trị gia tăng thấp. công nghiệp hỗ trợ phát triển chậm; nguyên, vật liệu, linh kiện phục vụ sản xuất trong nước còn phụ thuộc lớn vào bên ngoài; chưa quan tâm đúng mức đến chuỗi giá trị và cung ứng trong nước. Tỷ lệ nội địa hóa thấp, phục thuộc nhiều vào các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản còn kém phát triển, nhất là khâu bảo quản và chế biến sâu. chất lượng dịch vụ vẫn còn thấp. chuyển dịch cơ cấu ngành dịch vụ còn chậm, xuất khẩu dịch vụ còn hạn chế, chưa khắc phục được thâm hụt trong cán cân xuất nhập khẩu dịch vụ. cơ cấu ngành dịch vụ chưa hợp lý,

các ngành sử dụng tri thức, khoa học - công nghệ phát triển còn chậm, chiếm tỷ trọng nhỏ trong GDP và thấp hơn so với nhiều quốc gia trong khu vực. Hệ thống phân phối còn bất cập, chưa kết nối hiệu quả, thông suốt từ khâu sản xuất tới khâu tiêu thụ. du lịch tăng trưởng cao nhưng chất lượng tăng trưởng chưa được chú trọng, chưa có nhiều sản phẩm đa dạng và chưa bảo đảm tính bền vững¹.

Để giải quyết căn bản, lâu dài những hạn chế, bất cập nêu trên của việc chuyển đổi mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, cần sử dụng và phát huy tổng hợp các động lực tiềm năng, cơ hội của nền kinh tế, trong đó, việc đẩy nhanh ứng dụng khoa học - công nghệ là giải pháp trọng tâm, có ý nghĩa lâu dài. Tinh thần này đã được Đại hội XIII của Đảng chỉ ra: Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa dựa trên nền tảng của khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và công nghệ của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trong đó tập trung phát triển các ngành ưu tiên có mức độ sẵn sàng cao, như công nghiệp thông tin, điện tử - viễn thông; an toàn, an ninh mạng; công nghiệp chế tạo thông minh; tài

chính - ngân hàng; thương mại điện tử, nông nghiệp số; công nghiệp văn hóa số; y tế; giáo dục và đào tạo. Xây dựng nền kinh tế tự chủ, nâng cao khả năng thích ứng và sức chống chịu của nền kinh tế. Thực hiện chương trình quốc gia về tăng năng suất lao động nhằm hiện đại hóa nền kinh tế. Tập trung phát triển sản phẩm quốc gia dựa vào công nghệ mới, công nghệ cao. Thực hiện các giải pháp khắc phục tác động của đại dịch Covid-19, nhanh chóng phục hồi nền kinh tế, tận dụng hiệu quả các cơ hội mới để bứt phá, phát triển đất nước².

Để thực hiện được chủ trương lớn nêu trên của Đảng, việc ứng dụng khoa học - công nghệ nhằm tạo động lực mới cho sự chuyển đổi mô hình tăng trưởng gắn với phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trở thành yêu cầu nhanh về nhịp độ và rộng khắp về quy mô. Chỉ có thể đẩy nhanh tốc độ ứng dụng khoa học - công nghệ, tranh thủ mọi cơ hội như được nêu trên mới có thể tạo ra tiền đề ổn định, căn bản cho những giai đoạn tiếp theo. Trước mắt, việc đẩy nhanh và mạnh mẽ động lực khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo sẽ giúp cho mọi lĩnh vực, quản lý kinh

tế - xã hội khắc phục được các đứt gãy của các chuỗi sản xuất.

Đồng thời với khắc phục các đứt gãy các chuỗi sản xuất, việc tạo ra tiền đề nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả của các hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản lý kinh tế - xã hội có sự bứt phá trong giai đoạn kế tiếp của 2 đến 3 năm tới. Đây là mối quan hệ nhân quả và hiện thực. Không đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo trong những năm trước mắt, sẽ khó có được động lực mới cho đổi mới mô hình tăng trưởng và nâng cao năng suất lao động của nền kinh tế. Đến lượt nó, không có năng suất lao động tăng lên, Việt Nam khó có thể phát triển kinh tế bền vững trong những giai đoạn tiếp theo khi các quốc gia trong khu vực và trên thế giới đã nỗ lực thành công trong phục hồi kinh tế. Với ý nghĩa như vậy, điểm bứt phá và tạo động lực lan tỏa cho sự phát triển lâu dài trong những năm tới và các giai đoạn tiếp theo nhất định cần phải dựa trên ứng dụng và đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng dựa trên khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo như là một động lực chủ yếu. Ngoài động lực chủ yếu này, các

động lực khác có vai trò hỗ trợ, thúc đẩy. do đó, cần phải xem việc đẩy nhanh và mạnh việc phát huy vai trò động lực khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo là một giải pháp vừa có ý nghĩa trước mắt, vừa có ý nghĩa trung, dài hạn nhằm phục hồi kinh tế và phát triển kinh tế - xã hội ở những giai đoạn tới.

Bên cạnh đó, quan sát xu hướng phát triển của thế giới cho thấy, khoa học - công nghệ đang trở thành lĩnh vực then chốt, nền tảng của cạnh tranh chiến lược và duy trì động lực phát triển kinh tế - xã hội trong tương lai. Các cuộc chạy đua để nắm giữ những lĩnh vực then chốt về khoa học - công nghệ, những nền tảng công nghệ cốt lõi, những cách thức để có được công nghệ nguồn nhằm duy trì sức mạnh và vị thế không chỉ diễn ra giữa các nền kinh tế lớn. Với lợi thế của các nước đi sau, nhiều quốc gia cũng đang rất quyết liệt đẩy mạnh các chiến lược phát triển khoa học - công nghệ lớn nhằm tìm kiếm lợi thế mới. Không nắm bắt xu thế này để đẩy mạnh sự phát triển khoa học - công nghệ một cách căn cơ, bài bản, thực chất sẽ khó có được những động

lực mới cho sự phục hồi kinh tế và phát triển kinh tế - xã hội những năm tới. do đó, để không bị lỡ nhịp phát triển và tụt hậu xa hơn, không có cách thức nào tốt hơn việc đẩy mạnh chuyển đổi mô hình tăng trưởng dựa trên khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo như một động lực chủ yếu.

3. Một số khuyến nghị để thực hiện tốt hơn việc chuyển đổi mô hình tăng trưởng lấy khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo làm động lực chủ yếu

Trong bối cảnh vừa thực hiện chuyển đổi mô hình tăng trưởng, vừa thực hiện “nhiệm vụ kép” phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội nhằm sớm khắc phục tác động của đại dịch Covid-19, nhanh chóng tạo tiền đề bứt phá mới nhằm đạt mục tiêu phát triển chiến lược đến năm 2030, tầm nhìn 2045 của Đảng ta, một số khía cạnh cần được chú ý giải quyết tích cực, bao gồm:

Thứ nhất, thực hiện tốt vai trò của Nhà nước trong sự tương hợp với thị trường nhằm tạo nguồn lực tổng hợp cho khoa học - công nghệ. Trong mỗi thời kỳ phát triển mang tính nhảy vọt của mỗi quốc gia, ngoài việc tận dụng được yếu tố thời cuộc đem lại, đòi hỏi

sự nỗ lực rất tích cực và chủ động của Nhà nước. Đối với việc phát triển khoa học - công nghệ và đẩy nhanh tốc độ phát triển khoa học - công nghệ, rất cần có sự hiện diện một cách thực chất của Nhà nước. Thị trường có nhiều mặt mạnh trong tạo môi trường và động lực cạnh tranh. Xét riêng lĩnh vực khoa học - công nghệ, nếu chỉ phát huy vai trò của thị trường, cần nhiều thời gian mới có thể đạt được kết quả. Xét về yêu cầu đẩy mạnh, trường, cần nhiều thời gian mới có thể đạt được kết quả. Xét về yêu cầu đẩy mạnh, đẩy nhanh ứng dụng khoa học - công nghệ nhằm chuyển đổi trạng thái và mô hình tăng trưởng trong thời gian hữu hạn thì việc phát huy vai trò của Nhà nước là cần thiết và tất yếu. Nhà nước cần đóng vai trò chủ thể đặc lực trong việc tạo ra động lực khoa học - công nghệ. Tuy nhiên, nếu không đặt vai trò của Nhà nước trong mối quan hệ tương hợp với thị trường thì có thể sự thất bại của Nhà nước thậm chí còn sâu sắc hơn các khuyết tật của thị trường. Bởi vậy, Nhà nước cần đầu tư nguồn lực vào những lĩnh vực nghiên cứu cơ bản, tạo động lực và sức lan tỏa lâu dài; thị trường cần phát huy vai trò

trong đẩy mạnh ứng dụng của các chủ thể sản xuất, kinh doanh. Trong bối cảnh thực hiện “nhiệm vụ kép”, Nhà nước không làm tất cả, song tất yếu, Nhà nước cần thực hiện những nhiệm vụ trọng tâm, đó là tạo lập môi trường thể chế thông thoáng, tạo nguồn lực khởi động để kích hoạt sự tham gia của cộng đồng doanh nghiệp, tạo những chương trình nghiên cứu lớn, có sức lan tỏa đối với toàn bộ nền kinh tế. Đi đôi với việc thực hiện vai trò của Nhà nước, phát huy vai trò thúc đẩy, linh hoạt của thị trường là hết sức cần thiết. Thị trường dẫn dắt và tạo động lực để doanh nghiệp, chủ thể kinh doanh biết lựa chọn những thành tựu khoa học - công nghệ tối ưu đối với trình độ sản xuất và quản lý của bản thân các doanh nghiệp. Thị trường tạo động lực không ngừng đổi mới sáng tạo để các doanh nghiệp linh hoạt thích ứng. Sự nhập cuộc chủ động của doanh nghiệp là biện pháp hữu hiệu nhất để biến chủ trương, cơ chế của Nhà nước thành hiệu quả năng suất, chất lượng trên thực tế. do đó, kết hợp Nhà nước - thị trường trong phát triển và ứng dụng khoa học - công nghệ trong quá trình chuyển đổi mô hình

tăng trưởng lấy khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo làm động lực chủ yếu là cần thiết khách quan, phù hợp với điều kiện một quốc gia đi sau như Việt Nam.

Thứ hai, các ngành, các địa phương chủ động phối hợp nhằm tháo gỡ các điểm nghẽn thể chế, giải phóng nguồn lực. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã đề ra hệ thống các giải pháp lớn về cơ cấu lại các ngành sản xuất và dịch vụ ứng với từng lĩnh vực ngành cụ thể. Vì vậy, với trọng trách và lĩnh vực của mình, các ngành cần tổ chức thực hiện nhanh chóng, hiệu quả các chủ trương, biện pháp lớn của Đảng. Trong đó, có những lĩnh vực liên ngành và đòi hỏi sự phối hợp tổng hợp để huy động nguồn lực hoặc tháo gỡ “điểm nghẽn” thể chế, thực hiện nhanh chóng khâu phối hợp và tạo ra các thể chế phát huy sức mạnh tổng hợp. Đối với các lĩnh vực trọng tâm, như đầu tư công, tài chính ngân hàng, sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước - là những lĩnh vực liên quan tới toàn bộ các quá trình của nền kinh tế - rất cần có sự phối hợp chặt chẽ, chủ động của các ngành và các cơ quan liên quan để tháo gỡ những điểm không

còn phù hợp, cản trở quá trình giải phóng nguồn lực.

Đối với cấp địa phương, việc phối hợp trong liên kết kinh tế vùng, khu kinh tế cần trở thành tư duy thường trực trong tổ chức quản trị phát triển địa phương. Việc làm này có ý nghĩa tích cực trong huy động và sử dụng nguồn lực, hạn chế hiện tượng phân tán nguồn lực và sử dụng kém hiệu quả nguồn lực tổng hợp trong thực hiện đổi mới mô hình tăng trưởng trên cơ sở lấy khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo làm động lực chủ yếu.

Thứ ba, hoàn thiện thể chế để doanh nghiệp vừa là trọng tâm, vừa là chủ thể chủ yếu của việc sản sinh công nghệ, đổi mới sáng tạo. Cơ chế về sử dụng các nguồn lực cho nghiên cứu, tạo công nghệ mới, công nghệ nguồn gắn với các doanh nghiệp cần được rà soát và điều chỉnh thông thoáng hơn. Việc khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng công nghệ và đổi mới sáng tạo thông qua cơ chế các đòn bẩy tài chính tổng

hợp cần được cân nhắc thay vì chỉ chú ý vào công cụ thuế suất. cùng với các cơ chế mang tính đòn bẩy, cần phát huy khát vọng vươn lên của doanh nghiệp Việt Nam và các chủ thể sản xuất công nghiệp, sáng tạo. Về lâu dài, đây chính là bộ phận động lực rất quan trọng của nền kinh tế và tiền đề để có thể gắn kết lợi ích của Việt Nam với khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (fdI) một cách bền chắc.

Tóm lại, bối cảnh mới đang tạo ra áp lực rất mạnh mẽ để đẩy nhanh việc chuyển đổi mô hình tăng trưởng dựa trên việc lấy khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo làm động lực chủ yếu. Yêu cầu của quá trình phục hồi và hát triển kinh tế - xã hội do tác động của đại dịch Covid-19 càng làm cho áp lực quá trình này tăng lên, đòi hỏi sự nỗ lực, chủ động phối hợp của các cấp, các ngành và vai trò trung tâm của doanh nghiệp Việt Nam. Đó chính là phương thức bền vững cho các năm trước mắt cũng như những giai đoạn tiếp theo ■

^{1,2} Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, t.II, Nxb chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.62-63, 104-105.

ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA GẮN VỚI ĐÔ THỊ HÓA, BẢO ĐẢM ĐỜI SỐNG CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG KHU CÔNG NGHIỆP

● PHAN THÊ TUẤN

Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang

Trong những năm gần đây, tỉnh Bắc Giang có bước phát triển toàn diện trên các lĩnh vực; kinh tế tăng trưởng cao, thuộc nhóm các địa phương có tốc độ tăng trưởng cao nhất của cả nước (bình quân giai đoạn 2011 - 2020 đạt 11,4%; năm 2020 tăng 13,02%). Quy mô nền kinh tế được mở rộng, giá trị tổng sản phẩm (GRDP) đứng thứ 16/63 tỉnh, thành phố. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch nhanh theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và xây dựng... Bắc Giang cũng là địa phương có tốc độ tham gia hội nhập kinh tế quốc tế và chuỗi cung ứng toàn cầu nhanh, toàn diện, luôn ở trong nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu toàn quốc về thu hút vốn đầu tư FDI và có giá trị xuất khẩu lớn nhất. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm; đời sống vật chất,

tinh thần của nhân dân được quan tâm, chăm lo, GRDP bình quân/người hiện nay đạt gần 3.000 USD.

Năm 2021, trong bối cảnh khó khăn do ảnh hưởng của đợt dịch Covid-19 lần thứ tư (thời điểm tháng 5, tháng 6-2021, Bắc Giang là tâm dịch của cả nước), Bắc Giang được sự giúp đỡ, chia sẻ kịp thời của Chính phủ, các ban, bộ, ngành Trung ương và các tỉnh, thành phố, doanh nghiệp và nhân dân cả nước, qua đó tỉnh đã nhanh chóng kiểm soát được dịch bệnh, kinh tế của tỉnh tiếp tục có bước phát triển tích cực: Tốc độ tăng trưởng GRDP cả năm 2021 ước đạt 7,82%, đứng thứ 10 cả nước. Quy mô nền kinh tế được mở rộng (đạt xấp xỉ 130.000 tỷ đồng). Các lĩnh vực kinh tế đều tăng trưởng mạnh: Công nghiệp phục hồi nhanh sau khi dịch Covid-19

được kiểm soát (mặc dù có thời điểm 4 khu công nghiệp của tỉnh phải tạm dừng hoạt động), tăng trưởng cả năm vẫn đạt 11,2%. Nông nghiệp phát triển ổn định khẳng định vai trò trụ đỡ của nền kinh tế; tốc độ tăng trưởng ước đạt 4,28%. Dịch vụ bảo đảm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân, giá cả thị trường nhìn chung ổn định. Các chính sách an sinh xã hội, hỗ trợ đối với người dân, doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh được quan tâm thực hiện tốt. Bắc Giang trở thành địa phương đầu tiên trong cả nước được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động vì thành tích phòng, chống dịch và là điển hình của cả nước trong thực hiện thành công “Mục tiêu kép”.

Có thể khẳng định, sự tăng trưởng kinh tế - xã hội của tỉnh Bắc Giang trong thời gian qua phần lớn là do sự phát triển mạnh mẽ của ngành sản xuất công nghiệp - động lực chính, vai trò trụ cột của nền kinh tế. Giai đoạn 2011 - 2020, tăng trưởng công nghiệp của tỉnh bình quân đạt 19,3% (trong đó, giai đoạn 2016 -2020 đạt 23,2%/năm); cơ cấu kinh tế của tỉnh giai đoạn 2010 - 2020 có bước chuyển dịch mạnh mẽ theo xu hướng tích cực. Tỷ trọng ngành

công nghiệp - xây dựng tăng mạnh từ 37,7% năm 2010 lên 56,32% năm 2020, riêng tỷ trọng ngành công nghiệp tăng từ 28,3% lên 49,7% cùng thời điểm trên. Trên địa bàn tỉnh hiện nay có 06 khu công nghiệp (diện tích 1.322ha với 385 doanh nghiệp), 30 cụm công nghiệp (diện tích 922ha với 230 doanh nghiệp) đang hoạt động; đến nay, cơ bản diện tích đất công nghiệp trong các khu công nghiệp được lấp đầy. Nhiều doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh hoạt động hiệu quả, mở rộng quy mô sản xuất, trở thành mắt xích quan trọng, tham gia sâu vào chuỗi sản xuất sản phẩm cung ứng toàn cầu của các tập đoàn lớn.

Triển khai chủ trương, đường lối đổi mới của Đảng, Nhà nước và thực tiễn phát triển trong thời gian qua, tỉnh Bắc Giang đã sớm định hướng và thấy được vai trò phát triển công nghiệp đối với sự phát triển kinh tế - xã hội: Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Giang đã ban hành Kế hoạch số 54-KH/TU, ngày 9-10-2018 về Chiến lược phát triển công nghiệp tỉnh Bắc Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035; gần đây nhất, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 147-NQ/TU về phát triển công nghiệp tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021 -

2030, trong đó luôn khẳng định: Nhất quán, kiên trì, kiên định quan điểm đẩy mạnh phát triển công nghiệp, lấy công nghiệp là trụ cột, động lực chính thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

Để phát triển hài hòa giữa công nghiệp gắn với đô thị, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Giang đã ban hành Nghị quyết số 138-NQ/TU, ngày 1-9-2016 về đẩy mạnh phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Kết luận số 103-KL/TU, ngày 9-6-2021, của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 138-NQ/TU, ngày 1-9-2016; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 473/KH-UBND triển khai thực hiện giai đoạn 2021 - 2025, mục tiêu đến năm 2025, nâng tỷ lệ dân số đô thị lên khoảng 32,4%; toàn tỉnh có 20 đô thị, trong đó: 01 đô thị loại II, 01 đô thị loại IV, 04 đô thị loại IV và 14 đô thị loại V. Đến nay, tỷ lệ dân số đô thị đạt gần 23%, hoàn thiện quy hoạch chung xây dựng đô thị các huyện, thành phố; phê duyệt chương trình phát triển đô thị, làm cơ sở thu hút đầu tư các dự án phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh.

Bắc Giang đã hoàn thành Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến

năm 2050 và là tỉnh đầu tiên trong cả nước trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Trong đó, tỉnh Bắc Giang quy hoạch đến năm 2030 sẽ có 29 khu công nghiệp với diện tích khoảng 7.000 ha (trong đó, có 12 khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ); quy hoạch 63 cụm công nghiệp với diện tích khoảng 3.000 ha. Các khu công nghiệp được phân bố, quy hoạch chủ yếu nằm trong vùng động lực kinh tế của tỉnh, có điều kiện về không gian, thuận lợi cho việc kết nối các hạ tầng, nhất là các hạ tầng thiết yếu, như giao thông, điện, nước,... thuận lợi trong việc thu hút lao động, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Các cụm công nghiệp được quy hoạch phân bố tại các địa phương có điều kiện khó khăn hơn, có diện tích đất công nghiệp nhỏ, giải quyết việc làm tại chỗ, thúc đẩy chuyển dịch lao động, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, bảo đảm phát triển hài hòa, cân đối giữa các khu vực, vùng, miền trong tỉnh. Trên cơ sở quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch, chương trình phát triển đô thị được duyệt, tỉnh Bắc Giang tập trung đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của các đô thị bảo đảm đủ tiêu chí

để nâng loại đô thị, phục vụ phát triển công nghiệp, dịch vụ.

Sự phát triển của sản xuất công nghiệp đã đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa; góp phần hoàn thiện kết cấu hạ tầng xã hội; thúc đẩy các loại hình dịch vụ phục vụ sản xuất công nghiệp phát triển. Phát triển công nghiệp đã có tác động lan tỏa đến các hoạt động dịch vụ và ngược lại, các hoạt động dịch vụ đã đáp ứng các yêu cầu của doanh nghiệp giúp doanh nghiệp phát triển sản xuất.

Công nghiệp đã góp phần quan trọng trong giải quyết việc làm, đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao thu nhập, đời sống người lao động. Một trong những đóng góp quan trọng của sản xuất công nghiệp là giải quyết việc làm cho lao động, đặc biệt là các lao động địa phương.

Công nghiệp phát triển đã tạo ra hàng trăm nghìn việc làm mới cho người lao động (250 nghìn lao động trong các khu công nghiệp, 50 nghìn lao động tại các cụm công nghiệp); số lượng công nhân tăng nhanh, tập trung đông ở một số khu vực đã tạo áp lực lớn đối với các địa phương trong tỉnh, nhất là về vấn đề chỗ ở. Trước thực trạng như vậy, tỉnh Bắc Giang đã chỉ đạo các cấp,

các ngành quan tâm giải quyết; chú trọng phát triển các khu đô thị, khu dân cư tại các vị trí gần các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; quyết liệt đề ra các giải pháp, cơ chế, chính sách để phát triển nhà ở xã hội dành cho công nhân; tập trung rà soát ưu tiên quỹ đất, bổ sung quy hoạch xây dựng nhà ở dành cho công nhân; bước đầu đã thu hút đầu tư và triển khai thực hiện một số dự án nhà ở xã hội cho công nhân (9 dự án nhà ở xã hội cho công nhân quanh các khu công nghiệp; đến nay có 3 dự án cơ bản hoàn thành; 6 dự án đang triển khai đầu tư xây dựng, với tổng diện tích khoảng 1,1 triệu m² sàn; 14.000 căn hộ; dự kiến đến năm 2023 hoàn thành sẽ đáp ứng nhu cầu chỗ ở cho công nhân khoảng 53.000 công nhân); qua đó giúp giải quyết một phần nhu cầu chỗ ở cho công nhân và tạo tiền đề để đẩy mạnh phát triển trong thời gian tới.

Hiện nay nhu cầu nhà ở cho công nhân rất lớn nhưng thực tế mới chỉ đáp ứng được một phần nhỏ (khoảng 7,5% nhu cầu); số lượng công nhân thuê, lưu trú tại các nhà trọ trên địa bàn hoặc sử dụng phương tiện cá nhân đi về hàng ngày còn cao (43,7 % thuê nhà trọ lưu trú; 40,8 % đi về hàng ngày bằng

phương tiện cá nhân).

Thời gian tới, sau khi Quy hoạch tỉnh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, nhiều khu công nghiệp, cụm công nghiệp mới trên địa bàn tỉnh sẽ được đầu tư; số lượng công nhân và nhu cầu nhà ở cho công nhân sẽ tiếp tục tăng mạnh. Để sớm giải quyết vấn đề nhà ở cho công nhân hiện nay và bảo đảm cho sự phát triển ổn định, bền vững trong thời gian tới, tỉnh Bắc Giang xác định: Phát triển nhà ở xã hội dành cho công nhân là nhiệm vụ cấp bách, để giải quyết các vấn đề thực tiễn đang đặt ra; là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, cộng đồng và nhân dân; Nghị quyết số 147-NQ/TU, ngày 15-7-2021, của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Giang về phát triển công nghiệp giai đoạn 2021 - 2030 đã xác định: “Phát triển công nghiệp hướng tới mô hình “Hệ sinh thái công nghiệp”, gắn kết khu công nghiệp với khu đô thị, khu dịch vụ, với kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Giang đã ban hành Nghị quyết số 110-NQ/TU, ngày 9-6-2021 về phát triển nhà ở xã hội dành cho công nhân trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm

2030, xác định: Phát triển nhà ở xã hội dành cho công nhân theo hướng hiện đại, đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội; có chất lượng môi trường sống tốt, bảo đảm sáng - xanh - sạch - đẹp, hài hòa với thiên nhiên, bảo đảm an ninh, trật tự và bảo vệ môi trường; Từng bước cải thiện, nâng cao đời sống của công nhân lao động, bảo đảm nhu cầu an sinh xã hội, thiết chế văn hóa tại các khu nhà ở công nhân. Phấn đấu từ nay đến năm 2030, Bắc Giang nằm trong nhóm các tỉnh dẫn đầu cả nước về xây dựng các khu nhà ở công nhân gắn với các thiết chế văn hóa, trường mầm non, chợ, cơ sở y tế, khu vui chơi phục vụ công nhân..., tạo lợi thế cạnh tranh của tỉnh trong thu hút đầu tư. Bắc Giang đặt ra mục tiêu đến năm 2025, giải quyết khoảng 80% nhu cầu về nhà ở xã hội cho công nhân tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp (khoảng 339.000 công nhân); đến năm 2030, giải quyết khoảng 90% nhu cầu về nhà ở xã hội cho công nhân tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp (khoảng 687.000 công nhân).

Từ thực tiễn phát triển công nghiệp, quá trình đô thị hóa, đẩy mạnh phát triển nhà ở dành cho công nhân trên địa

bàn tính, một số bài học mà tỉnh Bắc Giang rút ra, để tập trung chỉ đạo trong thời gian tới xin được chia sẻ, đó là:

Thứ nhất, tập trung hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển công nghiệp gắn với phát triển đô thị, dịch vụ thương mại, kinh tế đô thị, làm cơ sở thu hút đầu tư phát triển đô thị. Đồng thời làm tốt công tác dự báo quy hoạch, công tác dự báo thị trường bất động sản công nghiệp, đô thị.

Xây dựng chương trình phát triển công nghiệp hài hòa gắn với mục tiêu, lợi thế của địa phương; giải quyết lao động, chuyển đổi cơ cấu lao động, tăng thu nhập cho người lao động. Phát triển đô thị phải gắn với phát triển văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội; phát triển đô thị theo hướng bền vững, thực hiện dân chủ, tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường. Giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, nâng cao đời sống của nhân dân.

Thứ hai, tập trung nâng cao chất lượng, tầm nhìn chiến lược trong công tác lập, thẩm định các đồ án quy hoạch, kế hoạch, chương trình phát triển đô thị, gắn kết chặt chẽ giữa quy hoạch đô thị với quy hoạch phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

Quy hoạch các khu, cụm công nghiệp phải đồng bộ với quy hoạch phát triển đô thị, dịch vụ để phát triển các mô hình “Hệ sinh thái công nghiệp”. Tập trung phát triển hạ tầng công nghiệp, phát triển đồng bộ giao thông, đô thị, điện, nước và các dịch vụ hậu cần, dịch vụ tiện ích phục vụ phát triển công nghiệp, như Logistics, nhà ở công nhân, ngân hàng, hải quan, lưu trú, ăn uống, vui chơi giải trí, chăm sóc sức khỏe,... để tạo ra hạ tầng đồng bộ, môi trường làm việc và môi trường sống văn minh, an toàn, đáp ứng đa dạng nhu cầu của các nhà đầu tư, doanh nghiệp, người lao động cả trong nước và nước ngoài. Ưu tiên bố trí khu đất quy hoạch khu nhà ở cho công nhân tại những vị trí thuận lợi, gần khu công nghiệp để thuận tiện cho việc đi lại của công nhân; quy mô quy hoạch phải đủ lớn để hấp dẫn các nhà đầu tư và bảo đảm đáp ứng cho sự phát triển lâu dài và bền vững; đồng thời, phải bảo đảm nguyên tắc quy hoạch nhà ở xã hội dành cho công nhân theo dạng phân khúc căn hộ bảo đảm phù hợp với khả năng chi trả của công nhân, bảo đảm đồng bộ các công trình xã hội, công trình công cộng, như nhà trẻ, trường học, dịch vụ thương mại, y

tế, thiết chế văn hóa.

Thứ ba, đổi mới công tác thu hút đầu tư, huy động các nguồn lực xã hội đầu tư xây dựng nhà ở cho công nhân; thay đổi tư duy thụ động, hành chính trong quản lý nhà nước sang chủ động, phục vụ, đồng hành cùng doanh nghiệp, nhà đầu tư trong phát triển công nghiệp, đô thị dịch vụ.

Các cấp ủy đảng, chính quyền quan tâm sâu sát, chỉ đạo quyết liệt trong việc đề ra các chủ trương, giải pháp thực hiện và ban hành các cơ chế, chính sách để đẩy mạnh phát triển đô thị; vận dụng sáng tạo, linh hoạt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào điều kiện cụ thể của địa phương, trên cơ sở đó, đề ra các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể nhằm phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của địa phương để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Công khai, minh bạch quy hoạch tỉnh, quy hoạch khu công nghiệp, cụm công nghiệp, quy hoạch phát triển đô thị, quy hoạch dự án nhà ở xã hội rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng để thu hút đầu tư. Chính quyền các địa phương chủ động hỗ trợ, thu hồi, bồi thường giải phóng mặt bằng, tạo mặt bằng sạch bàn giao

đất cho chủ đầu tư để triển khai thực hiện dự án. Tinh quan tâm bố trí, đầu tư hạ tầng kỹ thuật (đường giao thông, cấp điện, cấp thoát nước) đến ranh giới dự án. Khuyến khích các nhà đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, các doanh nghiệp sản xuất trong khu công nghiệp sử dụng nhiều lao động thực hiện đầu tư xây dựng nhà ở xã hội cho công nhân; đẩy mạnh xã hội hóa việc đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa, thương mại, dịch vụ, thể dục thể thao, bãi đỗ xe... tại các khu nhà ở cho công nhân.

Trong thời gian tới, tỉnh Bắc Giang mong muốn tiếp tục nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, hỗ trợ của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các ban, bộ, ngành Trung ương, các tỉnh, thành phố trong cả nước; qua đó, giúp Bắc Giang phát triển ổn định, bền vững và thực hiện thành công mục tiêu nằm trong 15 tỉnh, thành phố phát triển có quy mô kinh tế dẫn đầu cả nước vào năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX đã đề ra; đến năm 2030, Bắc Giang trở thành tỉnh trọng điểm về công nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững, là một trong những trung tâm phát triển công nghiệp của vùng ■

ĐẤU TRANH NGĂN CHẶN, ĐẨY LÙI TÌNH TRẠNG SUY THOÁI VỀ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ, ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG, NHỮNG BIỂU HIỆN "TỰ DIỄN BIẾN", "TỰ CHUYỂN HÓA" TRONG NỘI BỘ

● TS NGUYỄN VĂN HÙNG

Thư ký Khoa học, Hội đồng Lý luận Trung ương

Hội nghị Trung ương 4, khoá XIII đã ban hành Kết luận số 21-KL/TW về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” và Quy định số 37-QĐ/TW về những điều đảng viên không được làm, đã và đang tạo được những chuyển biến tích cực trong toàn Đảng và hệ thống chính trị, tạo niềm tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng thực hiện công cuộc đổi mới đồng bộ, toàn diện xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Quá trình nhận thức, nhận diện những biểu hiện suy thoái, tự phê bình và phê bình đã góp phần đấu tranh với những suy nghĩ và hành vi sai trái, biểu hiện suy thoái nhằm cảnh tỉnh, răn đe, cảnh báo, từng bước ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, nhất là từng bước đẩy lùi tham nhũng, tiêu cực. Nhiều vụ án tham nhũng nghiêm trọng, phức tạp đã được phát hiện và tập trung chỉ đạo điều tra, truy tố, xét xử nghiêm minh, không có vùng cấm, không có ngoại lệ, dù người đó là ai, được nhân dân đồng tình ủng hộ mạnh mẽ. Công tác đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng

chính trị, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” đã đạt được một số kết quả bước đầu; tích cực đấu tranh phòng, chống “diễn biến hoà bình của các thế lực thù địch, phản động, của những người cơ hội chính trị. Có thể khẳng định rằng, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn từng bước đẩy lùi suy thoái đã đạt được nhiều kết quả tích cực; năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng không ngừng được nâng cao; phương thức lãnh đạo của Đảng từng bước được đổi mới; vai trò lãnh đạo của Đảng được giữ vững, niềm tin của nhân dân với Đảng được củng cố; đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là cấp chiến lược đã có bước trưởng thành và tiến bộ về nhiều mặt. Đa số cán bộ, đảng viên có ý thức rèn luyện, nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, có ý chí, bản lĩnh, có ý thức phục vụ nhân dân, được nhân dân tin tưởng, đồng tình, ủng hộ. Toàn Đảng, toàn quân, toàn dân đang ra sức phấn đấu thực hiện khát vọng phát triển, đổi mới sáng tạo, xây dựng một nước Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc.

Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm, nhận thức và thực tiễn trong công tác đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái

về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ, vẫn còn những hạn chế, bất cập, đang đặt ra nhiều vấn đề cần được nghiên cứu một cách khoa học và có phương pháp giải quyết phù hợp với thực tiễn, góp phần quan trọng trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh

1. Nhận thức lý luận về đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ

Thứ nhất, việc ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ, thời gian tới có phạm vi rộng hơn, toàn diện hơn, không chỉ trong nội bộ Đảng mà còn mở rộng ra cả hệ thống chính trị. Phạm vi, đối tượng thực hiện không chỉ đối với cán bộ, đảng viên trong Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc mà cả những đoàn viên, hội viên trong các tổ chức chính trị - xã hội trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại, hội nhập quốc tế của đất nước trong tình hình mới

Thứ hai, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ không chỉ về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống mà còn cả lĩnh vực tổ chức và cán bộ. Đổi mới công tác đánh giá cán bộ; coi trọng cả đức và tài, trong đó đức là gốc; vừa đào tạo, bồi dưỡng trong trường lớp vừa rèn luyện, thử thách trong thực tiễn, nhất là ở những địa bàn, lĩnh vực khó khăn, gian khổ; kết hợp chặt chẽ, hài hòa giữa số lượng, chất lượng và cơ cấu, giữa tính phổ biến và tính đặc thù phù hợp với từng chức danh, nhiệm vụ của cán bộ được giao. Chú trọng việc tự tu dưỡng rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên trong cuộc sống và công tác.

Thứ ba, thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình trong Đảng. Coi trọng việc thực hiện trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu, chức vụ càng cao, càng phải nêu gương. Nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện các chuẩn mực đạo đức cách mạng cho phù hợp với điều kiện mới và truyền thống văn hóa tốt đẹp của

dân tộc Việt Nam; nâng cao ý thức tự tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng suốt đời và nêu cao danh dự, lòng tự trọng của người đảng viên cộng sản.

Thứ tư, mỗi cán bộ đảng viên, đoàn viên, hội viên cần phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhận thức đầy đủ, sâu sắc bản chất nền dân chủ xã hội chủ nghĩa - dân chủ thực chất, dân chủ được thể hiện trong thực tế để xây dựng môi trường dân chủ trong Đảng và trong xã hội, thực hành và phát huy dân chủ đi đôi với giữ gìn kỷ luật, kỷ cương xã hội.

Thứ năm, tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, kiên quyết đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; chủ động phòng, chống “diễn biến hòa bình”, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ, những thông tin xấu, độc, xuyên tạc trên Internet, mạng xã hội. Phát huy sức mạnh tổng hợp, tạo nên hiệu quả thiết thực trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Một số vấn đề đặt ra trong thực tiễn đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ

Thứ nhất, việc nhận thức, nhận diện 27 biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ, nhất là 9 biểu hiện sự suy thoái về đạo đức, lối sống của cá nhân đảng viên vẫn còn lúng túng, chưa thật rõ, chưa sát thực tiễn, còn rập khuôn, thiếu tính khả thi, nhất là trong việc xác định, lựa chọn các vấn đề trọng tâm, nổi cộm để giải quyết trong từng trường hợp, đối tượng cụ thể. Chưa xây dựng được hệ giá trị chuẩn mực đạo đức theo tinh thần “Đảng ta là đạo đức, là văn minh” cho phù hợp với truyền thống văn hoá của dân tộc Việt Nam và trong điều kiện mới hội nhập quốc tế, làm cơ sở cho cán bộ, đảng viên tự tu dưỡng, rèn luyện và ứng xử trong công tác và cuộc sống. Công tác giáo dục, bồi dưỡng về đạo đức công vụ chưa được chú trọng trong các cơ sở, đơn vị đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị.

Thứ hai, công tác lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp uỷ, tổ chức đảng chưa thường xuyên, thiếu kiên quyết, quyết liệt; việc giám sát, kiểm tra, nhận diện, phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ còn hạn chế, nhất là việc đánh giá kết quả, xác định trách nhiệm cá nhân thực hiện cam kết, kế hoạch hành động của từng cá nhân đảng viên trong khắc phục khuyết điểm của hậu kiểm điểm còn thiếu cụ thể, kéo dài, chung chung, thiếu tính thuyết phục; vẫn còn tình trạng coi vấn đề diễn biến tư tưởng xảy ra ở đâu đó, chú không phải trong cơ quan, đơn vị mình, địa phương mình, đồng chí mình vẫn còn nhiều chưa có biện pháp khắc phục.

Thứ ba, chất lượng sinh hoạt chi bộ còn rất hạn chế, nội dung sinh hoạt đảng nhiều nơi còn hình thức, chất lượng thấp; việc đưa nội dung học tập, quán triệt, tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương 4, Chỉ thị 05, Quy định nêu gương, Quy định về tu dưỡng rèn luyện đạo đức, lối sống vào sinh hoạt chi bộ hàng tháng có nhiều nơi vẫn còn hình thức, hiệu quả thấp.

Nhiều tổ chức đảng, đảng viên còn hạn chế trong nhận thức, lơ là, mất cảnh giác, lúng túng trong nhận diện và đấu tranh, ngăn chặn “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”; việc đấu tranh, phê phán, phản bác những quan điểm sai trái, thù địch, để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, nhất là trên môi trường mạng internet, mạng xã hội còn nhiều khó khăn, bất cập, thiếu đồng bộ trong phối hợp lực lượng, thiếu công cụ sắc bén, kỹ thuật công nghệ hiện đại, thông minh để ngăn chặn, xoá bỏ các thông tin xấu độc làm ảnh hưởng đến niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

Thứ tư, một số cán bộ, đảng viên nhận thức và thực hành công tác kiểm điểm tự phê bình và phê bình với bản thân mình, đồng chí mình, đồng nghiệp thiếu sâu sắc, còn biểu hiện né tránh, nể nang, dĩ hoà vi quý, ngại va chạm, nhất là việc nêu gương của cán bộ chủ chốt, người đứng đầu ở các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị chưa nghiêm, thiếu tự giác nhận khuyết điểm và trách nhiệm trong công việc của mình được giao, còn hiện tượng vi phạm phẩm chất đạo đức, lối sống phải kỷ luật; hiện tượng đảng viên bỏ

sinh hoạt, xin ra khỏi đảng có dấu hiệu gia tăng (như đảng viên sau khi xuất ngũ về địa phương, đảng viên về hưu, đảng viên đi làm ăn xa gia đình, xa nơi cư trú...)

Thứ năm, vấn đề sắp xếp tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị ở một số bộ, ngành, địa phương thiếu đồng bộ, bất cập, hiện tượng nhập vào rồi lại tách ra đang diễn ra, gây tâm lý xấu, bất bình trong cán bộ, đảng viên và nhân dân. Việc bố trí một số cán bộ chủ chốt ở một số ban, bộ, ngành, địa phương còn lúng túng, khó khăn; vẫn còn tình trạng bổ nhiệm sai, có trường hợp vừa mới được bầu vào cấp uỷ các cấp, đại biểu hội đồng nhân dân các cấp của nhiệm kỳ mới..., đã bị xử lý kỷ luật đều liên quan đến những biểu hiện của sự suy thoái, tham nhũng, tiêu cực. Việc phân định thẩm quyền, trách nhiệm, mối quan hệ công tác của người đứng đầu với tập thể cấp uỷ, lãnh đạo cơ quan đơn vị chưa rõ ràng. Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ đảng viên chưa bị đẩy lùi, có mặt, có nơi còn diễn biến tinh vi, phức tạp hơn; tham nhũng, lãng phí, tiêu cực vẫn còn nghiêm trọng trên một số lĩnh

vực liên quan đến đất đai, bất động sản, tài chính, đầu tư công, xây dựng cơ bản, y tế, giáo dục... biểu hiện của “lợi ích nhóm”, “tham nhũng chính sách” tập trung vào số đảng viên có chức vụ, quyền hành trong bộ máy nhà nước cấu kết với các thế lực làm ăn bất chính, rửa tiền... gây bức xúc trong nhân dân.

Những vấn đề nêu trên có cả nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó, nguyên nhân chủ quan là chủ yếu.

Nguyên nhân khách quan: Từ mặt trái của kinh tế thị trường, trong điều kiện của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã xuất hiện những hoạt động lợi dụng sự phát triển của khoa học công nghệ thông tin, mạng internet, mạng xã hội, toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế sâu rộng. Nhiều vấn đề mới, phức tạp nảy sinh từ thực tiễn chưa được lý giải một cách có cơ sở khoa học, khách quan và chưa được xử lý kịp thời, hiệu quả. Hơn nữa các thế lực thù địch, phản động thường xuyên đẩy mạnh thực hiện chiến lược công kích trên mặt trận tư tưởng, lợi dụng triệt để vấn đề “dân chủ”, “nhân quyền”, “dân tộc, tôn giáo” và những yếu kém, sơ hở, mất cảnh giác của ta để xuyên

tạc, bóp méo tình hình, tạo nên “điểm nóng”, phức tạp; đồng thời, chúng còn ra sức cấu kết với các phần tử cơ hội, bất mãn chính trị hoạt động ráo riết, chống phá Đảng, Nhà nước và cuộc sống của nhân dân ta ngày càng tinh vi, xảo quyệt với nhiều thủ đoạn thâm độc, nguy hiểm nhằm chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, chia rẽ giữa nhân dân với Đảng.

Nguyên nhân chủ quan: Tình trạng suy thoái ở một bộ phận cán bộ, đảng viên vẫn còn diễn biến hết sức phức tạp, trước hết là do bản thân cán bộ, đảng viên đó không tu dưỡng, rèn luyện về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; lập trường tư tưởng không vững vàng, hoang mang, giao động trước những tác động từ bên ngoài; sa vào chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, hẹp hòi, bị cám dỗ bởi các lợi ích vật chất, có lối sống buông thả, thoái hoá, coi thường kỷ luật, kỷ cương. Chưa thật sự đổi mới công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên; chưa tạo được sự thống nhất cao trong nhận thức về tình trạng suy thoái, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” và hậu quả gây ra. Sinh hoạt đảng, nhất là sinh hoạt chi bộ ở

nhiều nơi hình thức, đơn điệu, thiếu tính chiến đấu. Nhiều cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu các cấp chưa có quyết tâm chính trị cao, chưa kiên trì, kiên quyết trong đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái; một số cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, trong đó có cả cán bộ cao cấp thiếu tiên phong, gương mẫu, nêu gương trước cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về xây dựng Đảng không theo kịp tình hình thực tế, nhiều vấn đề mới, khó chưa được nghiên cứu làm sáng tỏ. Chưa chú trọng xây dựng, tuyên truyền, cổ vũ, nhân rộng những mô hình, điển hình tiên tiến, lấy tích cực đẩy lùi tiêu cực. Công tác quản lý cán bộ, đảng viên còn thiếu chặt chẽ. Nguyên tắc tập trung dân chủ ở nhiều nơi bị buông lỏng; nguyên tắc tự phê bình và phê bình thực hiện không nghiêm, chưa có cơ chế để bảo vệ người dám đấu tranh phê bình; chậm ban hành quy định xử lý tổ chức, cá nhân có biểu hiện suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Chưa xây dựng được cơ chế “dựa vào dân để xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh”.

3. Đề xuất quan điểm, nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp đột phá để đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến, tự chuyển hóa” trong nội bộ thời gian tới

3.1. Bối cảnh tình hình

Trong những năm tới, tình hình thế giới tiếp tục có những diễn biến rất nhanh, phức tạp, khó lường. Sau hơn 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, vị thế, sức mạnh tổng hợp và uy tín trên trường quốc tế được nâng lên. Tuy nhiên, sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta vẫn đứng trước nhiều khó khăn, thách thức: Bốn nguy cơ mà Đảng đã chỉ ra vẫn còn tồn tại, có mặt ngay gần hơn; các mối đe dọa độc lập, chủ quyền, lợi ích chiến lược của đất nước, nhất là trên Biển Đông. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tác động mạnh mẽ đến các lĩnh vực đời sống, kinh tế, xã hội. Các vấn đề an ninh phi truyền thống, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, dịch bệnh - đại dịch Covid-19 còn kéo dài, vẫn đang diễn biến hết sức phức tạp gây khó khăn, ảnh hưởng lớn đến phát triển kinh tế- xã hội và đời

sống của nhân dân; tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ; sự chống, phá quyết liệt của các thế lực thù địch, các tổ chức phản động, những người có quan điểm tiêu cực, chống đối, xuyên tạc lịch sử, hạ thấp vai trò lãnh đạo của Đảng, bôi nhọ, hạ thấp uy tín, danh dự của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước; chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc nhằm làm giảm niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa.

Tình hình trên đây đã và đang tác động mạnh, nhiều chiều đến công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và công tác đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ cần được quan tâm thường xuyên, liên tục, không ngừng, không nghỉ để bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa.

3.2. Về quan điểm

Một là, kiên quyết, kiên trì với quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn; phát huy sự chủ động, sáng tạo và sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong công tác đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi

đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ là vấn đề cơ bản, cốt lõi trong xây dựng và phát triển đất nước, có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa.

Hai là, xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện một cách quyết liệt, đồng bộ, thường xuyên về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ là nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; thường xuyên đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi có hiệu quả sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ và hệ thống chính trị.

Ba là, phải kết hợp tốt giữa “xây” và “chống”, trong đó “xây” là nhiệm vụ cơ bản, chiến lược, lâu dài và có ý nghĩa quyết định; “chống” là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách. Chủ động, tích cực bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, kiên quyết đấu tranh với các quan điểm sai trái của các thế lực thù địch, phản động, các phần tử cơ hội, bất mãn chính trị.

Bốn là, tăng cường sự lãnh đạo và đoàn kết, thống nhất trong Đảng, vai trò nêu gương của cán bộ, trước hết là Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp uỷ và Ban Thường vụ cấp uỷ các cấp. Thực hành dân chủ và phát huy dân chủ đi đôi với giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ; kỷ cương, kỷ luật của Đảng; chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực trong toàn bộ hệ thống chính trị.

Năm là, tích cực đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; ngăn chặn, đẩy lùi có hiệu quả sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ cần phải được thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các công cụ và biện pháp về chính trị, tư tưởng, tổ chức, hành chính, kiểm tra, giám sát, pháp luật và công nghệ.

3.3. VỀ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

Một là, tiếp tục quán triệt nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên về tinh tự giác trong nhận diện những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ gắn

chặt với việc đẩy mạnh học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh.

Thực hiện các quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ đảng viên, nhất là cán bộ chủ chốt, người đứng đầu các cấp; cam kết rèn luyện giữ gìn phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, không “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”. Nâng cao tính thuyết phục trong giáo dục đạo đức cách mạng, làm cho mỗi cán bộ, đảng viên thấy rõ bốn phạm, trách nhiệm của mình trước Đảng, trước nhân dân, luôn vững vàng trước khó khăn, thử thách và không bị cám dỗ bởi tiền tài, danh vọng để thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ, luôn giữ gìn phẩm chất đạo đức trong sáng, có lối sống lành mạnh, tiết kiệm, đặt lợi ích chung, lợi ích quốc gia, dân tộc lên trên hết, trước hết.

Khơi dậy ý thức tự giác trong nêu gương; tự giác trong nhận diện những biểu hiện suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; thực sự cầu thị trong tự phê bình, “tự soi, tự sửa”; thẳng thắn, chân thành trong phê bình đồng chí, đồng nghiệp, cấp trên với tinh thần xây

dựng, trên tinh thần đồng chí; tự giác học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh mỗi ngày; tự giám sát, kiểm tra, tự nhận trách nhiệm, khuyết điểm và hình thức kỷ luật để tích cực khắc phục, sửa chữa.

Chú trọng nghiên cứu hệ quan điểm lý luận sắc bén để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; đấu tranh, phản bác có hiệu quả các quan điểm sai trái của các thế lực thù địch, những phần tử bất mãn, cơ hội chính trị.

Đổi mới phương pháp, quy định rõ trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục chính trị tư tưởng, phổ biến pháp luật cho cán bộ, đảng viên; thông tin kịp thời, làm tốt công tác định hướng dư luận. Tập trung đổi mới căn bản, toàn diện công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, cập nhật kiến thức mới cho đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cán bộ cấp chiến lược, người đứng đầu các cấp.

Hai là, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ; thực hiện nghiêm túc, đúng quy trình công tác kiểm điểm, tự phê bình và phê bình đối với tập thể, cá nhân và đánh giá, phân loại chất lượng

tổ chức đảng, đảng viên gắn với việc nhận diện những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ

Phát huy dân chủ trong sinh hoạt đảng, nhất là sinh hoạt tư tưởng, tạo nên sự đoàn kết, thống nhất trong công tác, nhiệm vụ được giao. Trong công tác kiểm điểm, thực hiện theo trình tự cấp trên kiểm điểm trước để làm gương cho cấp dưới; tập thể kiểm điểm trước, cá nhân kiểm điểm sau. Sau kiểm điểm, kết quả kiểm điểm phải được thông báo đến những tập thể đã góp ý kiến trước khi kiểm điểm. Cấp dưới báo cáo kết quả kiểm điểm với cấp trên. Những nơi kiểm điểm không đạt yêu cầu, cấp uỷ cấp trên chỉ đạo kiểm điểm lại.

Thực hiện tự phê bình và phê bình cần khắc phục tình trạng nể nang, né tránh, ngại va chạm, dị hoà vi quy; “nói không đi đôi với làm”, “nói nhiều, làm ít”, làm hình thức, đối phó; một số cán bộ, đảng viên, nhất là một bộ phận cán bộ đứng đầu cấp uỷ, chính quyền các cấp còn thiếu gương mẫu, chưa tự giác nhận đúng mức khuyết điểm và trách nhiệm của mình được giao phụ trách.

Tăng cường công tác xây dựng, củng

cổ, đánh giá, phân loại tổ chức đảng và đảng viên hàng năm phải được tiến hành thường xuyên, liên tục đảm bảo theo tiêu chí và quy định của Điều lệ Đảng. Phải gắn trách nhiệm của cấp ủy, người đứng đầu với kết quả triển khai thực hiện xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh.

Ba là, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cán bộ; tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ

Chú trọng công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp. Đổi mới trong công tác nhận xét, đánh giá cán bộ bằng “sản phẩm”, coi kết quả đánh giá cán bộ là tiêu chí quan trọng nhất để thực hiện quy hoạch, điều động, bổ nhiệm cán bộ. Đề bạt, sử dụng người có đức, có tài, dám nghĩ, dám làm, dám đổi mới, sáng tạo, dám chịu trách nhiệm; kiên quyết không bỏ nhiệm và kịp thời điều chuyển, thay thế những cán bộ làm việc kém hiệu quả, không hoàn thành nhiệm vụ, yếu về năng lực, kém về phẩm chất đạo đức, lối sống, tín nhiệm thấp mà không chờ hết

nhiệm kỳ, hết tuổi công tác, nhất là người đứng đầu.

Nghiên cứu xây dựng các cơ chế, chính sách ưu đãi cán bộ phù hợp thực tiễn phát triển của đất nước. Thực hiện hiệu quả chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài, sử dụng chuyên gia giỏi ở các lĩnh vực, chú ý quan tâm bồi dưỡng cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số. Tiếp tục thực hiện mô hình một số chức danh lãnh đạo chủ chốt cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã không phải là người địa phương.

Tiếp tục đổi mới, kiện toàn và từng bước hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động gắn với nâng cao chất lượng và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Nghiên cứu sửa đổi quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức trong toàn bộ hệ thống chính trị.

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng chính phủ, chính quyền điện tử gắn với hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công của các bộ ngành, địa phương một cách có hệ thống và đồng bộ, kết nối với hệ thống dữ liệu quốc gia. Giảm tối

đa thời gian, chi phí thực hiện các thủ tục hành chính. Tăng cường phân cấp, làm rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, từng địa phương, đơn vị để phục vụ nhân dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn, hiệu quả hơn.

Bốn là, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và nhân dân, thật sự dựa vào nhân dân để xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh; phòng, chống, ngăn chặn suy thoái về tư tưởng chính trị đạo đức, lối sống trong Đảng là vấn đề có tính nguyên lý cần được quán triệt sâu sắc và thực hiện nghiêm túc trong toàn Đảng và hệ thống chính trị.

Chú trọng việc thể chế hoá và thực hiện nghiêm trách nhiệm của Đảng, tổ chức đảng, đảng viên được quy định trong Hiến pháp 2013 và được xác định rõ trong Văn kiện Đại hội XIII: Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, phục vụ nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân về những quyết định của mình. Các tổ chức đảng và đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Đội ngũ cán bộ, đảng viên phải

thật sự tin dân, trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân, dựa vào dân, có trách nhiệm với dân. Sớm thể chế hoá nguyên tắc “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ” và thực hiện phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, giám sát, dân thụ hưởng”

Xây dựng cơ chế dựa vào dân để xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh: Cơ chế để nhân dân tiến cử những người có đủ đức, tài vào các cơ quan lãnh đạo của Đảng và Nhà nước. Có hình thức thích hợp, lấy ý kiến góp ý của nhân dân trước khi bổ nhiệm cán bộ. Phát huy vai trò của nhân dân trong việc giám sát, đánh giá cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, nhất là những người có chức vụ, quyền hạn, người đứng đầu, cán bộ chủ chốt các cấp. Tiếp tục thực hiện tốt hơn công tác tiếp công dân, tiếp nhận xử lý thông tin và các khiếu nại, tố cáo của cán bộ đảng viên và nhân dân liên quan đến công tác cán bộ; đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; chống cửa quyền, hách dịch, thiếu trách nhiệm với nhân dân.

Thực hiện có hiệu quả hơn Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt

trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Xây dựng chế độ công tác, quy trình ban hành quyết định của Đảng, Nhà nước, trong đó quy định rõ vai trò của Mặt trận Tổ quốc các cấp. Mặt trận Tổ quốc các cấp có nhiệm vụ chủ trì phản biện công khai đối với các quyết sách liên quan đến lợi ích thiết thực, chính đáng của nhân dân. Phải có cơ chế tạo điều kiện để nhân dân có thể tham gia ngay từ đầu quá trình xây dựng chính sách, giám sát quá trình thực hiện chính sách, xây dựng và giám sát cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ được giao trách nhiệm tổ chức thực hiện chính sách cho nhân dân. Tăng cường giám sát việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên trong công tác và cuộc sống.

- Tiếp tục đổi mới và thực hiện nghiêm quy định người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền các cấp tiếp dân, đối thoại, tự phê bình và phê bình, kiểm điểm thực hiện chức trách trước nhân dân. Xây dựng cơ chế khuyến khích, bảo vệ, tôn vinh người phát hiện, tố giác và tích cực đấu tranh phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; đấu tranh bảo vệ Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa.

3.4. Giải pháp đột phá

Một là, tiếp tục đổi mới nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền, sức chiến đấu của các tổ chức đảng và đảng viên trong toàn Đảng và hệ thống chính trị để ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

Tăng cường công tác tư tưởng, công tác tuyên truyền, tổ chức thực hiện Nghị quyết, tạo sự đoàn kết, đồng thuận, ủng hộ, đề cao cảnh giác của cán bộ, đảng viên và nhân dân; lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp các lực lượng, chủ động trên mọi phương diện tấn công làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, kẻ xấu, cơ hội chính trị chống phá Đảng, Nhà nước, chế độ, để bảo vệ vững chắc Tổ quốc, thành quả cách mạng của nhân dân ta.

Giữ vững bản chất giai cấp công nhân của Đảng; nâng cao lập trường, bản lĩnh chính trị, trí tuệ, tinh thần trách nhiệm, tính chiến đấu của toàn Đảng và mỗi cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là cấp chiến lược. Cần xây dựng tiêu chí đánh giá chất lượng sinh hoạt chi

bộ; phát hiện và nhân rộng những tấm gương điển hình, tiên tiến. Thực hiện việc giao duyệt các chỉ tiêu về bồi dưỡng quần chúng ưu tú, tạo nguồn phát triển đảng viên. Giao chỉ tiêu kết nạp đảng viên mới, coi đây là chỉ tiêu đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng và đảng viên. Tập trung lãnh đạo phát triển tổ chức đảng, đoàn thể ở các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp có công nghệ cao, trong đó quan tâm phát triển đảng viên là công nhân, các chủ doanh nghiệp để từng bước thành lập được tổ chức đảng trong doanh nghiệp.

Hai là, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ, tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược - khâu then chốt, đặc biệt quan trọng để ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ

Đổi mới, hoàn thiện, quản lý chặt chẽ quy trình công tác cán bộ, trọng tâm là khâu đánh giá cán bộ. Trong toàn bộ quy trình công tác cán bộ, đánh giá cán bộ là khâu đặc biệt quan trọng; đánh giá đúng thì quy hoạch chính xác, bố trí đề bạt, sử dụng cán bộ đúng; đánh giá sai sẽ dẫn đến hậu

quả lớn, khôn lường. Cần tập trung đổi mới, nâng cao chất lượng đánh giá cán bộ theo hướng: Xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm cụ thể của cán bộ; mở rộng diện tham gia đánh giá, các kênh đánh giá cán bộ, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và vai trò của nhân dân; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch, sâu sát, chính xác trong quá trình đánh giá cán bộ. Xây dựng quy định đánh giá cán bộ theo hướng xuyên suốt, tích cực, đa chiều theo tiêu chí cụ thể bằng sản phẩm, hiệu quả công việc; công khai kết quả và so sánh với các chức danh tương đương, gắn đánh giá cá nhân với tập thể và kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

Ban hành quy định cán bộ, lãnh đạo quản lý phải xây dựng chương trình công tác năm; cơ quan quản lý cán bộ theo phân cấp thực hiện duyệt, giám sát và đánh giá hiệu quả công tác hàng năm chương trình công tác của các cá nhân cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp. Thực hiện phân cấp trong đánh giá cán bộ gắn với trách nhiệm của người đứng đầu theo hướng công khai minh, minh bạch.

Đổi mới công tác quy hoạch cán bộ, tạo nguồn cán bộ: Xây dựng và triển khai hướng dẫn bổ sung quy hoạch cán bộ giai đoạn 2020-2025 và xây dựng quy hoạch cán bộ giai đoạn 2025-2030 theo phương châm “động, mở”, giảm về số lượng người quy hoạch một chức danh và tăng cán bộ trẻ để nâng cao chất lượng quy hoạch và tạo nguồn cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ dân tộc thiểu số. Xây dựng Đề án quy hoạch Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các chức danh cán bộ lãnh đạo chủ chốt tỉnh nhiệm kỳ 2025-2030 đảm bảo chất lượng và có tính khả thi cao.

Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ: Xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo quản lý các cấp, nhất là cán bộ cấp chiến lược, để đáp ứng các mục tiêu chiến lược cán bộ trong thời kỳ mới. Xây dựng Quy định quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên phạm vi toàn quốc, để nâng cao chất lượng công tác quản lý đào tạo, bồi dưỡng, khắc phục tình trạng chạy theo bằng cấp như hiện nay.

Đổi mới công tác bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử: Tiếp tục thực hiện

chủ trương điều chuyển, thay thế những cán bộ năng lực hạn chế, uy tín thấp không chờ hết nhiệm kỳ, hết tuổi công tác, để góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả nhiệm vụ công tác được giao. Tạo môi trường, động lực để cán bộ phấn đấu, sáng tạo, cống hiến và phát triển.

Ba là, tăng cường và đổi mới mạnh mẽ, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; công tác bảo vệ chính trị nội bộ; đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; kiểm soát chặt chẽ quyền lực cán bộ, ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên

Tập trung kiểm tra, giám sát tổ chức đảng, người đứng đầu, cán bộ chủ chốt ở những lĩnh vực, địa bàn, vị trí công tác dễ xảy ra tiêu cực, nơi người dân có nhiều bức xúc, dư luận xã hội quan tâm; xử lý kịp thời, kiên quyết, nghiêm minh các tổ chức đảng, đảng viên vi phạm. Xây dựng hướng dẫn cụ thể Quy định 205-QĐ/TW, ngày 23/9/2019 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ và chống chạy chức, chạy quyền. Phát huy

vai trò nêu gương trong tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương

Kết hợp chặt chẽ và nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát của Đảng với thanh tra, kiểm toán nhà nước và điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan bảo vệ pháp luật. Hằng năm xây dựng kế hoạch kiểm tra, thanh tra công vụ các cơ quan, đơn vị, các ngành, các địa phương để nâng cao ý thức, trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ và nội quy, quy chế, quy định của Đảng và pháp luật của Nhà

nước. Kết hợp kiểm tra, giám sát thường xuyên với kiểm tra, giám sát theo chuyên đề, kiểm tra đột xuất và kiểm tra dấu hiệu vi phạm; coi trọng công tác tự kiểm tra, tự giám sát của các cấp ủy, tổ chức đảng để kịp thời ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ từ sớm, từ xa để bảo vệ cán bộ, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ, làm cho nhân dân thật sự tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng trong công cuộc đổi mới đồng bộ, toàn diện, xây dựng và phát triển đất nước hùng cường, thịnh vượng, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội, vì hạnh phúc của nhân dân ■

Tài liệu tham khảo:

- (1). Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam
- (2). Đảng Cộng sản Việt Nam: *Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khoá XII*, ngày 30 tháng 12 năm 2016.
- (3). Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập I, Tập II, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.
- (4). Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021 của Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khoá XIII.
- (5). Đảng Cộng sản Việt Nam: *Quy định số 37-QĐ/TW ngày 25/10/2021 Quy định về những điều đảng viên không được làm*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.